

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

Địa chỉ : Số 321 Trần Hưng Đạo, Phường Cô Giang, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 3920 3062 – 3920 3063

Fax : (028) 3920 3060 – 3920 3061

Email : pinaco@pinaco.com.vn

2017



PINACO

BÁO CÁO

THƯỜNG NIÊN





MỤC LỤC

Thông tin chung

3

1. Thông tin khái quát
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
3. Thông tin mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh, bộ máy quản lý
4. Định hướng phát triển
5. Các rủi ro

Tình hình hoạt động

23

1. Tình hình hoạt động và sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình tài chính
4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu
5. Báo cáo phát triển bền vững

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

45

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Báo cáo của Hội đồng quản trị

59

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty
2. Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT trong năm
3. Các kế hoạch định hướng của HĐQT

Quản trị công ty

71

1. Hội đồng quản trị
2. Ban kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao, lương, thưởng của HĐQT, BKS, BGD

Báo cáo tài chính

83

Tầm nhìn

Trở thành nhà sản xuất pin và ắc quy hàng đầu khu vực.

Sứ mệnh

Cung cấp giải pháp năng lượng an toàn, hiệu quả và tin cậy cho khách hàng.

Giá trị cốt lõi

Tất cả CB.CNLD PINACO cam kết làm việc và hành xử theo nguyên tắc "4C".

CHÍNH TRỰC

Tôn trọng đạo đức nghề nghiệp, hành xử công minh trong các mối quan hệ trong và ngoài công ty.

CHU ĐÁO

Hướng dẫn khách hàng, đáp ứng tốt nhất các yêu cầu của khách hàng bên trong và bên ngoài công ty.

4C

CAM KẾT

Đề cao trách nhiệm cá nhân, chủ động phát triển kỹ năng để ngày càng chuyên nghiệp hơn.

CHIA SẺ

Xây dựng tinh thần đồng đội – làm việc vì lợi ích chung của công ty.

Kính gửi Quý Cổ đông, Quý khách hàng, Nhà đầu tư và toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam.

Năm 2017, Công ty tiếp tục đề ra và thực hiện những chính sách mới liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để phù hợp với những biến đổi khó lường của thị trường. Với những nỗ lực không ngừng của toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty và sự lãnh đạo sáng suốt, kịp thời của Ban điều hành, năm qua Công ty cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam đã đạt được nhiều thành quả đáng khích lệ. Cụ thể, Tổng doanh thu của Công ty đạt 2.864 tỷ đồng, tăng 4,15% so với kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đề ra từ đầu năm.

Trong năm 2017, Công ty tiếp tục đạt danh hiệu Hàng Việt Chất lượng cao, top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam, bên cạnh đó, Công ty còn tích cực thực hiện các hoạt động cộng đồng, xã hội như thăm hỏi thương binh, liệt sĩ nhân ngày 27/07, tổ chức hội nghị tri ân khách hàng “Song hành kết nối – Lan tỏa thành công” nhằm tổng kết 41 năm thành lập PINACO. Những thành tựu đạt được trong năm 2017 chính là động lực và là tiền đề để Công ty cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam tự tin hướng tới mục tiêu phát triển bền vững trong tương lai.

PINACO cam kết luôn đem đến cho các nhà cung cấp và người tiêu dùng các sản phẩm chất lượng cao và thân thiện với môi trường, xứng đáng với danh hiệu: “Thương hiệu quốc gia đại diện cho ngành Pin và Ác Quy”

Chúng tôi cam kết thực hiện chính sách chất lượng như sau:

- ✚ Hướng tới khách hàng: Đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường, cung cấp đầy đủ và kịp thời những sản phẩm có chất lượng ổn định, giá cả phù hợp.
- ✚ Thị trường nội địa là sống còn, thị trường xuất khẩu là phát triển.
- ✚ Đảm bảo cải tiến liên tục nhằm mục tiêu hiệu quả và minh bạch trong mọi hoạt động sản xuất và kinh doanh.
- ✚ Đảm bảo hài lợi ích giữa Cổ đông, Người lao động, Doanh nghiệp, Khách hàng và Cộng đồng.
- ✚ Đối với vấn đề môi trường, chúng tôi cam kết.
- ✚ Tuân thủ pháp luật, các quy định và yêu cầu khác về môi trường có liên quan.
- ✚ Thiết lập, duy trì và cải tiến liên tục hệ thống quản lý môi trường phù hợp nhằm ngăn ngừa ô nhiễm, bảo vệ môi trường.
- ✚ Truyền đạt chính sách môi trường đến mọi nhân viên, các nhà thầu và các bên liên quan nhằm đảm bảo sự tham gia của mọi người.

Một lần nữa thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý Cổ đông, Nhà phân phối và toàn thể Người lao động đã hợp tác, đoàn kết, chia sẻ những khó khăn, làm việc hết mình vì sự phát triển của Công ty. Đặc biệt, xin gửi lời cảm ơn đến Quý khách hàng về sự tin nhiệm và tin dùng đối với sản phẩm PINACO.

Trân trọng!

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PHẠM THANH TÙNG

THÔNG TIN CHUNG

📊 Quá trình hình thành và phát triển

📊 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

📊 Thông tin mô hình quản trị, bộ máy quản lý

📊 Định hướng phát triển

📊 Các rủi ro



PINACO

**PINACO - AN TOÀN CHO NGƯỜI
SỬ DỤNG VÀ MÔI TRƯỜNG**

1

THÔNG TIN CHUNG



Tên công ty	: CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM
Tên tiếng Anh	: DRY CELL AND STORAGE BATTERY JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	: PINACO
Giấy CNĐKKD	: Số 0300405462 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 23/09/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 22/08/2016
Vốn Điều lệ	: 464.717.070.000 VNĐ (Bốn trăm sáu mươi tư tỷ, bảy trăm mười bảy triệu, không trăm bảy mươi nghìn đồng)
Trụ sở chính	: Số 321 Trần Hưng Đạo, Phường Cô Giang, Quận 1, TP. HCM
Điện thoại	: (028) 3920 3062 – 3920 3063
Fax	: (028) 3920 3060 – 3920 3061
Email	: pinaco@pinaco.com.vn
Website	: www.pinaco.com
Mã cổ phiếu	: PAC
Niêm yết tại	: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)

1

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

- ❖ **Năm 1976:** Công ty Cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam (PINACO), trước đây là Công ty Pin Ắc quy miền Nam, được Tổng cục Hóa chất (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam) quyết định thành lập vào ngày 19/04/1976 trên cơ sở quốc hữu hóa toàn bộ các nhà máy: pin Con Ó (Vidopin), pin Con Mèo, pin Hột Xoàn, nhà máy bình điện VABCO và nhà máy bình điện VIDEKO.
- ❖ **Năm 1993:** Ngày 25/05/1993, theo Nghị định 388 của Chính phủ về việc thành lập lại các doanh nghiệp Nhà nước, Bộ Công Nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương) ra quyết định số 304/QĐ/TCNSĐT thành lập lại Công ty Pin Ắc quy Miền Nam (PINACO) trực thuộc Tổng Công ty Hóa Chất Việt Nam.
- ❖ **Năm 1998:** Từ năm 1998, PINACO bắt đầu thực hiện liên tục đầu tư đổi mới thiết bị, nâng cao năng lực sản xuất, thay thế dần công nghệ sản xuất cũ lạc hậu bằng công nghệ sản xuất mới.
- ❖ **Năm 2003:** Đầu tư mới Xí nghiệp Ắc quy Sài Gòn tại Khu Công nghiệp Tân Tạo.
- ❖ **Năm 2004:** Từ ngày 01/10/2004, PINACO chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002690 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23/9/2004.
- ❖ **Năm 2006:** PINACO niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM theo Giấy Phép Niêm yết cổ phiếu số 69/UBCK-GPNY của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và chính thức thực hiện phiên giao dịch đầu tiên vào ngày 12/12/2006 với mã chứng khoán là PAC với giá giao dịch là 40.000 đồng/cổ phiếu.
- ❖ **Năm 2011:** Đầu tư nhà máy sản xuất ắc quy mới tại Nhơn Trạch, Đồng Nai (Xí nghiệp ắc quy Đồng Nai 2).
- ❖ **Năm 2012:** PINACO không ngừng đầu tư đổi mới thiết bị, thay thế dần công nghệ sản xuất cũ lạc hậu bằng công nghệ sản xuất mới, phù hợp với nhu cầu công nghệ ngày một cao của thị trường.
- ❖ **Năm 2015:** Tăng vốn điều lệ từ 269.878.430.000 đồng lên 309.812.930.000 đồng, theo hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.
- ❖ **Năm 2016:** Tăng vốn điều lệ từ 309.812.930.000 đồng lên 464.717.070 đồng, theo hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.

1 THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

- ✚ Cờ Thi đua của Thủ tướng Chính Phủ (2013, 2014, 2015);
- ✚ Cờ Thi đua của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam cho Chi nhánh Công ty tại Hà Nội (2016);
- ✚ Cờ Thi đua của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam do có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh (2015);
- ✚ Huân chương độc lập hạng Nhất (2011, 2015), Nhì (2005), Ba (2002);
- ✚ Anh Hùng Lao động thời kỳ đổi mới (2000);
- ✚ Huân chương Lao động hạng Nhất (2015), Nhì (2013), Ba (2000, 2001, 2003);
- ✚ Thương hiệu Quốc gia (2012, 2014, 2016);
- ✚ Top 5 Công ty chăm lo tốt nhất cho người lao động do Tập đoàn Hóa chất Việt Nam công nhận (2015);
- ✚ Doanh nghiệp vì người lao động do Công đoàn Công nghiệp Hóa chất Việt Nam và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam công nhận (2016);
- ✚ Chứng nhận Nhà cung cấp Ưu tiên của Tập đoàn Ford Q1 (2014);
- ✚ Nhà cung cấp có cải tiến tốt nhất của HONDA (2014);
- ✚ Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín (2014);
- ✚ Top 50 doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam (2012);
- ✚ Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao 20 năm liền (1997 – 2016);
- ✚ Chứng nhận ISO 14001 cho hệ thống quản lý môi trường (2012);
- ✚ Chứng nhận ISO/TS 17025 cho hệ thống phòng thí nghiệm (2013);
- ✚ Chứng nhận ISO 9001 – hệ thống quản lý chất lượng (2011);
- ✚ Chứng nhận ISO/TS 16949:2009 – hệ thống quản lý chất lượng dành cho các nhà cung cấp cho ngành công nghiệp ô tô (2011);
- ✚ Nhà cung cấp đáng tin cậy (2011);
- ✚ Sao Vàng Đất Việt (2009 – 2011);
- ✚ Cổ phiếu Vàng (2009);
- ✚ TOP 100 thương hiệu hàng đầu Việt Nam (2008);
- ✚ Thương hiệu chứng khoán uy tín & công ty cổ phần hàng đầu Việt Nam (2008);
- ✚ Top 50 Doanh nghiệp niêm yết tốt nhất Việt Nam (2015, 2016).

1

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Những hoạt động chính tạo ra doanh thu và lợi nhuận của Công ty như sau:

- ✦ Sản xuất Pin, Ắc quy: Cung cấp đa dạng các chủng loại pin và ắc quy cho thị trường nội địa và xuất khẩu. Bao gồm các loại Pin Carbon kẽm thông dụng và các loại ắc quy cho nhiều mục đích sử dụng như: Ắc quy khởi động dùng cho xe ô tô, xe máy, tàu thuyền; Ắc quy dân dụng dùng thấp sáng, xe điện và Ắc quy công nghiệp các loại, v.v...
- ✦ Kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm Pin, Ắc quy và vật tư, thiết bị cho sản xuất kinh doanh pin, ắc quy.



SẢN PHẨM TIÊU BIỂU

Sản phẩm của PINACO đạt tiêu chuẩn chất lượng hàng đầu với công nghệ được chuyển giao từ Châu Âu, Nhật Bản, sản xuất trên các máy móc, thiết bị tiên tiến của Áo, Mỹ, Đức, Anh, Ý, v.v... và hệ thống quản trị tiên tiến, đáp ứng được yêu cầu khắt khe của nhiều khách hàng và các hãng lắp ráp ô tô, xe máy hàng đầu thế giới tại Việt Nam như Ford Vietnam, thaco, Vietnam Suzuki, Honda Piaggio, Yamaha, Mercedes – Benz Vietnam, Hyunhdai Thành Công, v.v...

Ngành Pin: có các sản phẩm mang nhãn hiệu như Con Ó, Eagle với các kích cỡ sau:

- ✚ Pin tiểu: AA, UM3, R6P, LR6
- ✚ Pin đũa: AAA, UM4, R03, LR03
- ✚ Pin đại: D size, UM1, R20

Ngành ắc quy: có các sản phẩm mang nhãn hiệu như Pinaco, Đồng Nai, JP, PAC, Sakura, v.v... sử dụng cho các ứng dụng sau:

- ✚ Cho xe ô tô, xe tải và tàu thuyền:
- ✚ Cho xe gắn máy:
- ✚ Cho thắp sáng, UPS, vợt muối, đèn pin sạc, xe đạp điện, v.v...
- ✚ Cho xe điện, xe golf, lưu điện cho hệ thống Pin mặt trời, viễn thông, v.v...



ĐỊA BÀN KINH DOANH

TRONG NƯỚC:

- ❖ Công ty có 01 văn phòng chính tại Quận 1, TP Hồ Chí Minh; 03 xí nghiệp sản xuất ắc quy và 01 xí nghiệp sản xuất pin đặt tại TP Hồ Chí Minh và tỉnh Đồng Nai;
- ❖ 02 chi nhánh tại Hà Nội và Đà Nẵng; 06 cửa hàng giới thiệu sản phẩm cũng được thành lập tại TpHCM, Hà Nội, Đà Nẵng để vận hành hệ thống phân phối trên cả nước. Địa bàn kinh doanh phủ khắp toàn quốc.

Các xí nghiệp sản xuất:

- ✓ 01 Xí nghiệp sản xuất Pin tại Tp HCM.
- ✓ 01 Xí nghiệp sản xuất Ắc quy tại Tp HCM.
- ✓ 02 Xí nghiệp sản xuất Ắc quy tại Đồng Nai.

Các cửa hàng giới thiệu sản phẩm:

- ✓ 03 cửa hàng giới thiệu và bán sản phẩm tại Quận 1 và 6 – Tp HCM.
- ✓ 01 cửa hàng giới thiệu và bán sản phẩm tại Đồng Nai.
- ✓ 01 cửa hàng giới thiệu và bán sản phẩm tại Đà Nẵng.
- ✓ 01 cửa hàng giới thiệu và bán sản phẩm tại Hà Nội.

Hệ thống phân phối

➤ Nhà phân phối và đại lý

Công ty có hệ thống phân phối/ đại lý bao phủ khắp các tỉnh thành trên toàn quốc và đội ngũ nhân viên thường xuyên bám sát thị trường, hỗ trợ nhà phân phối kinh doanh, triển khai các chương trình thúc đẩy tiêu thụ và hỗ trợ việc bảo hành sản phẩm. Hệ thống phân phối chuyên nghiệp hoạt động hiệu quả đã giúp công ty cạnh tranh thắng lợi trên thị trường và phục vụ tốt cho khách hàng. Chính điều này đã tạo nên khác biệt giữa chất lượng phục vụ của PINACO so với các công ty cùng ngành khác trên thị trường.

➤ Siêu thị và các cửa hàng

Sản phẩm của Pinaco có mặt ở các siêu thị và cửa hàng lớn nhỏ trên toàn quốc.

XUẤT KHẨU:

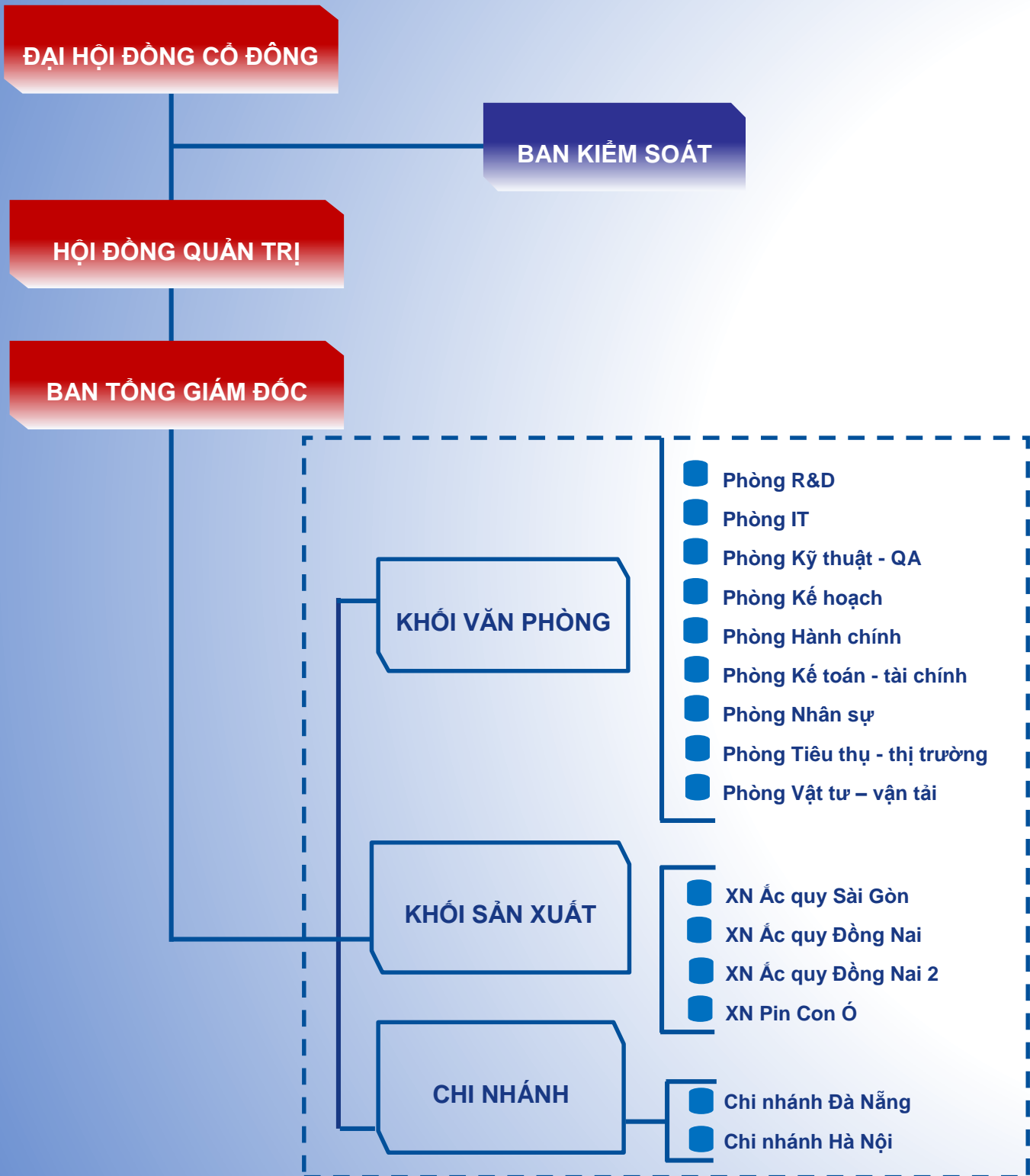
Xuất khẩu đóng góp khoảng 18% vào tổng doanh thu của Công ty. Tính đến cuối năm 2017, Công ty xuất khẩu đi hơn 31 quốc gia và vùng lãnh thổ. Công ty duy trì xuất khẩu đi các thị trường truyền thống tại khu vực Trung Đông, các nước Đông Nam Á, Châu Phi, Châu Mỹ La Tinh, v.v... cụ thể như Cambodia, Hong Kong, Myanmar, Nigeria, Algeria, China, Thailand, Sri Lanka, Lebanon, Jordan, Sudan, Syria, v.v... đồng thời có thêm 03 thị trường mới là Afghanistan, Yemen và Indonesia.

KHÁCH HÀNG TIÊU BIỂU:



1

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



CÁC XÍ NGHIỆP

<p>Xí nghiệp Pin Con Ó 752 Hậu Giang, Phường 12, Quận 6, TP. HCM Điện Thoại: (028) 38 750 556</p>	<p>Xí nghiệp Ác quy Đồng Nai Đường số 1, KNC Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai Điện thoại: (0251) 3 836 116</p>
<p>Xí nghiệp Ác quy Sài Gòn Lô 64, đường số 2, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, Q. Bình Tân, TP. HCM Điện thoại: (028) 37 540 244</p>	<p>Xí nghiệp Ác quy Đồng Nai 2 Đường N2, KCN Dệt May Nhơn Trạch, Nhơn Trạch, Đồng Nai Điện thoại: (0251) 3 569 968</p>



CÁC CHI NHÁNH

Chi nhánh Hà Nội

18 ngõ 44 Đức Giang, P. Thượng Thanh, Q. Long Biên, Hà Nội

Điện thoại: (024) 39 333 611

Chi nhánh Đà Nẵng

348 Điện Biên Phủ, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: (0236) 3 649 957



ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC:

TRUNG TÂM BẢO HÀNH		
<p>Trung tâm Bảo hành Khu vực Miền Bắc</p> <p>Địa chỉ: Số 02 Đặng Thái Thân, Q. Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội</p> <p>Điện thoại: (024) 3826 1030</p>	<p>Trung tâm Bảo hành Khu vực Miền Trung</p> <p>Địa chỉ: 348 Điện Biên Phủ, Q. Thanh Khê, Đà Nẵng</p> <p>Điện thoại: (0236) 3769 055</p>	<p>Trung tâm Bảo hành Khu vực Miền Nam</p> <p>Địa chỉ: Lô 64, đường số 2, KCN Tân Tạo, Q. Bình Tân, TP. HCM</p> <p>Điện thoại: (028) 3754 1151</p>

CÁC CỬA HÀNG GIỚI THIỆU SẢN PHẨM		
<p>321 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. HCM</p> <p>Điện thoại: (028) 8368 529</p>	<p>21-23 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. HCM</p> <p>Điện thoại: (028) 8368 530</p>	<p>752 Hậu Giang, Quận 6, TP. HCM</p> <p>Điện thoại: (028) 8368 531</p>
<p>Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, tỉnh Đồng Nai</p> <p>Điện thoại : (0251) 3836 116</p>	<p>02 Đặng Thái Thân, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội</p> <p>Điện thoại: (024) 3826 1030</p>	<p>348 Điện Biên Phủ, Q. Thanh Khê, Đà Nẵng</p> <p>Điện thoại: (0236) 649 952</p>

1 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CHIẾN LƯỢC TRUNG VÀ DÀI HẠN:

CHIẾN LƯỢC KINH DOANH

- ✚ Duy trì chất lượng sản phẩm, chất lượng phục vụ vượt trội với mức giá hợp lý để cạnh tranh giữ vững và phát triển thị phần.
- ✚ Không ngừng nghiên cứu, phát triển các sản phẩm mới và đa dạng hóa sản phẩm để đáp ứng tốt nhất nhu cầu thị trường.
- ✚ Tận dụng cơ hội khi các hiệp định tự do thương mại song phương, đa phương giữa Việt Nam với các quốc gia, khu vực trên thế giới có hiệu lực để gia tăng xuất khẩu.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

- ✚ Quan tâm đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu tăng trưởng, mục tiêu đa dạng hóa và bảo vệ môi trường.
- ✚ Quy hoạch lại hoạt động sản xuất pin, ắc quy theo hướng chuyên môn hóa để có thể khai thác tối đa năng lực sản xuất và tăng cường hiệu quả.

CHIẾN LƯỢC NGUỒN NHÂN LỰC

- ✚ Chăm lo phát triển nguồn nhân lực theo hướng khuyến khích và thu hút người tài và tạo dựng môi trường làm việc lành mạnh, đề cao ý thức trách nhiệm, tự giác và hướng tới khách hàng.
- ✚ Dựa vào mục tiêu chung của Công ty để xây dựng và giao chỉ tiêu đánh giá kết quả công việc KPIs cho từng đơn vị, cá nhân làm cơ sở đánh giá cũng như đãi ngộ cho toàn thể cán bộ nhân viên của Công ty.
- ✚ Áp dụng chính sách trả lương tiên tiến, phù hợp quy định pháp luật và thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ đối với người lao động theo hướng ưu đãi và phù hợp với quy định của pháp luật.



PINACO

CÁC MỤC TIÊU VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG:

CHÍNH SÁCH VỀ MÔI TRƯỜNG

Hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh pin và ắc quy có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe, môi trường. Để giảm thiểu những rủi ro không mong muốn xảy ra trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, đáp ứng những quy định pháp luật về môi trường và phù hợp với định hướng phát triển bền vững, Công ty đã triển khai những giải pháp như sau:

- ✚ Luôn đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường trong việc kiểm soát phát thải, thu gom, xử lý các chất thải trong quá trình sản xuất và kinh doanh của mình.
- ✚ Không ngừng đầu tư và cải tiến liên tục hệ thống trang thiết bị thu gom, xử lý các chất thải từ hoạt động sản xuất; kiểm soát các yếu tố gây ô nhiễm đáp ứng các quy định của pháp luật và ứng dụng nhanh các tiến bộ kỹ thuật nhằm giảm thiểu phát thải.
- ✚ Duy trì hệ thống quản lý môi trường của Công ty theo tiêu chuẩn ISO14001, thường xuyên kiểm tra, giám sát tính tuân thủ và hiệu lực của các hệ thống thu gom, xử lý khí thải, chất thải và thường xuyên giáo dục nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho toàn thể nhân viên của Công ty.



CHÍNH SÁCH VỀ XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Trách nhiệm xã hội là một trong những chính sách quan trọng của quá trình hoạt động và định hướng phát triển bền vững của Công ty trong hiện tại và tương lai.

- ✚ Công ty luôn cam kết đem đến cho khách hàng những sản phẩm có chất lượng tốt, an toàn khi sử dụng, có giá thành phù hợp để đảm bảo quyền lợi của khách hàng.
- ✚ Tăng cường thực hiện các hoạt động xã hội như chia sẻ, giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ bà con bị ảnh hưởng thiên tai ở miền Trung, v.v....Đẩy mạnh hoạt động từ thiện, các hoạt động hỗ trợ cộng đồng góp phần thúc đẩy xã hội phát triển bền vững.

1

CÁC RỦI RO

RỦI RO VĨ MÔ

Kinh tế thế giới năm 2017 tiếp tục đà phục hồi. Theo Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF) năm 2017 các nền kinh tế lớn đều có tốc độ tăng trưởng vượt ngưỡng dự báo. Đơn cử như nền kinh tế Mỹ, tốc độ tăng trưởng đã vượt mức 3% so với mục tiêu của chính phủ Mỹ đề ra cũng như mức dự báo tăng trưởng của IMF. Trong khi đó, nền kinh tế đứng thứ hai thế giới (Trung Quốc) đã có tốc độ tăng trưởng đạt mức 6.9% cao hơn mức 6.8% theo dự báo của IMF. Các nước có nền kinh tế phát triển như Đức, Nhật Bản, v.v... cũng có dấu hiệu tăng trưởng sau đợt chững lại vào năm 2016. Tuy kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng nhưng xu hướng bảo hộ mậu dịch đang diễn ra khá phổ biến gây ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của kinh tế thế giới.

Cùng với sự phục hồi của nền kinh tế thế giới, nền kinh tế Việt Nam cũng có những chuyển biến rõ nét và tích cực. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam tiếp tục tăng. Chỉ số này đã tăng lên 6.81% cao hơn so với mức 6.21% của năm 2016. Bên cạnh đó, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2017 tăng 3.53% so với năm 2016. Mặc dù nền kinh tế có sự tăng trưởng, nhưng Việt Nam vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức như thiếu nguồn nhân lực có tay nghề, năng suất lao động thấp, thiên tai; bão lũ xảy ra thường xuyên, v.v...

Bên cạnh sự tác động của nền kinh tế, sự tác động của chính trị cũng có một số ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của Công ty như xung đột sắc tộc, tôn giáo ở khu vực Trung đông, bạo động tại miền Nam Philippines, nội chiến tại Iraq, Yemen, Syria.v.v.... là những thị trường xuất khẩu lớn của Công ty nên đã có nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tình hình này buộc Công ty phải luôn theo dõi sát diễn biến của thị trường để có phương án sản xuất, kinh doanh phù hợp, v.v...





RỦI RO LÃI SUẤT

Với tỷ lệ vay nợ khá cao chiếm 45.59% trên tổng tài sản, do vậy khi có những biến động tăng về lãi suất sẽ ảnh hưởng đến tình hình hoạt động của Công ty mà cụ thể là chi phí tài chính. Trong năm 2017, lãi suất có xu hướng đi ngang. Nguyên nhân do Ngân hàng trung ương đang yêu cầu các ngân hàng thương mại giảm lãi suất, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đi vay. Tuy nhiên, lãi suất chỉ giảm chủ yếu ở các lĩnh vực ưu tiên như phát triển nông nghiệp, nông thôn; doanh nghiệp nhỏ và vừa; doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao.v.v. Ý thức được những tác động của biến động tăng lãi suất, Ban lãnh đạo Công ty đã luôn theo dõi sát diễn biến tình hình lãi suất, tỷ giá từ đó có các giải pháp phù hợp nhằm giảm thiểu những ảnh hưởng của lãi suất đến tình hình hoạt động của Công ty.

RỦI RO TỶ GIÁ

Đầu năm 2017, tỷ giá VND/USD tăng mạnh nguyên nhân chính là do nhập siêu tăng đạt mức 2,7 tỷ USD, chiếm 1,36% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu. Là một công ty mà phần lớn vật tư, nguyên liệu, thiết bị đều nhập khẩu nên biến động của tỷ giá sẽ tác động trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Để giảm thiểu những tác động tiêu cực từ biến động của tỷ giá Công ty đã có nhiều biện pháp như theo dõi sát tình hình biến động của tỷ giá để điều chỉnh chính sách tài chính phù hợp, sử dụng các công cụ phái sinh như hợp đồng giao sau, hợp đồng kỳ hạn, v.v...



PINACO

RỦI RO NGUYÊN VẬT LIỆU

Nguồn nguyên vật liệu chính phục vụ cho việc sản xuất của Công ty là chì và kẽm trong đó giá chì và kẽm trong năm 2017 tăng mạnh làm ảnh hưởng đến nguồn chi phí đầu vào của Công ty. Theo đó, năm 2017 giá kẽm tăng 43%, giá chì tăng 27% so với cùng kỳ 2016. Nguyên nhân chính là do nhu cầu tăng cao và nguồn cung hạn chế do không có nguồn cung mới bổ sung và chính sách thắt chặt kiểm soát môi trường của các mỏ/nhà máy khai thác của chính phủ Trung Quốc. Vì chì, kẽm là nguồn nguyên vật liệu chính cho việc sản xuất pin, ắc quy của Công ty nên việc giá kẽm, chì tăng sẽ làm cho chi phí sản xuất trực tiếp của Công ty tăng lên gây ra áp lực tăng giá thành sản phẩm.

Để hạn chế tác động tiêu cực từ việc giá nguyên vật liệu biến động Công ty đã tích cực tìm kiếm các nguồn cung cấp mới, tăng cường sử dụng nguồn vật tư trong nước và nghiên cứu các loại vật tư thay thế để giảm những tác động của giá nguyên vật liệu đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

RỦI RO CẠNH TRANH

Trong bối cảnh, Việt Nam đang tăng cường ký kết các hiệp định hợp tác quốc tế. Điển hình như Hiệp định FTA thế hệ mới, hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) sẽ khiến cho sự cạnh tranh từ các sản phẩm nhập ngoại ngày càng gay gắt hơn. Đối với công ty là sự cạnh tranh từ các thương hiệu đến từ những nước có thế mạnh trong ngành ở Nhật bản, Hàn Quốc, các nước ASEAN, v.v...

Để duy trì khả năng cạnh tranh và phát triển ổn định, trong những năm qua Công ty đã luôn quan tâm đầu tư, đổi mới thiết bị. Hầu hết các thiết bị sản xuất đều được lựa chọn từ các nhà cung cấp hàng đầu thế giới ở các nước G8. Với nền tảng công nghệ tích lũy trên 40 năm và các công nghệ mới chuyển giao từ Châu Âu, Nhật Bản, Hàn quốc... giúp Công ty có thể nâng cao được chất lượng sản phẩm của mình, tạo ra những sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng. Và cũng dựa vào đó để Công ty có thể giữ vững vị thế của mình trên thị trường ngành sản xuất pin, ắc quy.

RỦI RO PHÁP LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh pin, ắc quy chịu ảnh hưởng của Luật Môi trường, Luật Xuất Nhập khẩu, Luật Thương mại Quốc tế, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán.v.v. Trong khi hệ thống luật pháp Việt Nam vẫn đang được điều chỉnh, hoàn thiện nếu không cập nhật kịp thời sẽ dễ dẫn đến những rủi ro pháp lý.

Để giảm thiểu những rủi ro này công ty đã lựa chọn, hợp đồng với công ty tư vấn luật để được tư vấn kịp thời về các vấn đề phát sinh, luôn theo dõi, cập nhật các văn bản luật mới nhất. Công ty cũng thường xuyên phổ biến các văn bản luật mới nhất cho các cán bộ nhân viên và chỉ đạo các phòng ban liên quan, cũng như tất cả các nhân viên của Công ty phải thực hiện đúng theo quy định của Nhà nước

RỦI RO SẢN PHẨM THAY THẾ

Công nghệ nguồn điện đang thay đổi rất nhanh với sự xuất hiện nhiều công nghệ mới: pin sạc, ắc quy Lithium-Ion, Pin Nhiên liệu.v.v. một số công nghệ đã thay thế sản phẩm của PINACO ở 1 vài phân khúc nhất định như: đèn sạc, máy tính xách tay, xe đạp điện, xe ô tô điện.v.v. Đối với thị trường pin, pin Mangan kẽm công ty đang sản xuất thuộc nhóm sản phẩm công nghệ cũ, tốc độ tăng trưởng đang chậm dần, đặc biệt nhu cầu pin đại (R20, D size) đang suy giảm mạnh và sẽ chấm dứt vòng đời trong tương lai gần... Tuy nhiên các loại pin truyền thống cỡ nhỏ vẫn rất phổ biến và tiếp tục tăng trưởng trong thời gian tới. Đối với thị trường ắc quy, ắc quy chì acide cũng dần bị thay thế bởi các loại ắc quy công nghệ mới hơn. Tuy nhiên, nhu cầu sử dụng ắc quy chì acid vẫn rất cao do lượng phương tiện sử dụng ắc quy này vẫn đang tiếp tục tăng mạnh trong tương lai 3-5 năm tới và do có giá thành thấp và khả năng thu hồi, tái chế cao.

Để đối phó với rủi ro sản phẩm thay thế, Công ty đang đầu tư mạnh cho hoạt động R&D, tìm kiếm đối tác hợp tác nghiên cứu và tích cực tìm kiếm các công nghệ mới thay thế công nghệ hiện hữu để có thể đầu tư phát triển trong tương lai.

RỦI RO VỚI MÔI TRƯỜNG

Quá trình công nghiệp hóa đất nước kéo theo nguy cơ ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng. Chính phủ Việt Nam đang siết chặt các chính sách bảo vệ môi trường, cũng như tăng cường kiểm tra xử phạt các vi phạm về môi trường của các nhà máy xí nghiệp để đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững.

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất pin, ắc quy có quy trình sản xuất, nguyên liệu có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến môi trường, những năm qua Công ty luôn tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật về môi trường: đầu tư hệ thống thu gom, xử lý chất thải nguy hại trong quá trình sản xuất, tuân thủ các quy định về quản lý, tồn trữ, xử lý chất thải nguy hại và triển khai hệ thống thu gom sản phẩm thải bỏ sau quá trình sử dụng ngoài thị trường. Công ty cũng rất chú trọng công tác giáo dục nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của cán bộ công nhân viên trong Công ty.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017

- 📊 Tình hình hoạt động và sản xuất kinh doanh
- 📊 Tổ chức và nhân sự
- 📊 Tình hình đầu tư thực hiện dự án
- 📊 Tình hình tài chính
- 📊 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu
- 📊 Báo cáo tác động liên quan xã hội của Công ty



PINACO

**PINACO - AN TOÀN CHO NGƯỜI
SỬ DỤNG VÀ MÔI TRƯỜNG**

2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2017

NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2017, tình hình kinh tế thế giới có chuyển biến tích cực. Đối với Việt nam, những đổi mới chính sách, môi trường kinh doanh của chính phủ đã tạo động lực phát triển mạnh mẽ, GDP đạt 6,81% vượt kế hoạch do Quốc hội đề ra từ đầu năm, chỉ số giá tiêu dùng tăng 3.53%, v.v... Tuy nhiên, Thị trường tiêu thụ ô tô giảm mạnh do người tiêu dùng có tâm lý chờ đợi giá xe giảm sâu trong năm 2018 nên hoạt động lắp ráp cũng bị hạn chế, kéo theo tình hình tiêu thụ của dòng sản phẩm ắc quy OEM của PINACO giảm.

Công ty đã triển khai liên tục, đa dạng các chương trình khuyến mãi, marketing để thúc đẩy tiêu thụ, duy trì thị phần. Điều chỉnh chiết khấu bán hàng khi chi phí sản xuất tăng cao.





PINACO

TÌNH HÌNH CÔNG TY TRONG NĂM 2017

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	TH 2017/ TH 2016	TH 2017/ KH 2017
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2,537	2,750	2,864	112.85%	104.11%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	280	165	175	62.50%	106.06%
Cổ tức	%	22	>=15	45(*)	204,5	300

(*) Đã tạm ứng đợt 1 và 2 bằng tiền mặt tương ứng 8% vào ngày 20/10/2017, 7% vào ngày 14/12/2017; dự kiến chia thêm 30% chờ ĐHCĐ thông qua



Lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 175 tỷ đồng, tăng 6,06% so với kế hoạch và giảm 37,5% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân là do giá nguyên vật liệu đầu vào của chì và kẽm tăng mạnh trong năm, trong khi giá bán tăng không tương xứng và lợi nhuận năm 2016 có phần tăng đột biến do thay đổi cách trích lập dự phòng các khoản chi phí tiền lương, vật tư tồn kho và chi phí bán hàng trong năm.

2

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

BAN ĐIỀU HÀNH

ÔNG TRẦN THANH VẤN

- Chức vụ** : Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT kiêm Bí thư Đảng ủy
- Sinh năm** : 1960
- Quê quán** : Bến Tre
- Trình độ chuyên môn** : Kỹ sư Cơ khí – Thạc sĩ Kinh tế
- Lý luận chính trị** : Cao cấp chính trị
- Số cổ phần nắm giữ** : 41.345 cổ phần



ÔNG LÊ VĂN NĂM

- Chức vụ** : Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kỹ thuật – Sản xuất
- Sinh năm** : 1967
- Quê quán** : Đồng Tháp
- Trình độ chuyên môn** : Kỹ sư hóa
- Lý luận chính trị** : Cao cấp chính trị
- Số cổ phần nắm giữ** : 3.577 cổ phần

ÔNG NGUYỄN DUY HƯNG

Chức vụ	: Kế toán trưởng
Sinh năm	: 1973
Quê quán	: Hà Tĩnh
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế
Lý luận chính trị	: Không có
Số cổ phần nắm giữ	: 852 cổ phần

ÔNG CAO TRỌNG MIÊN

Chức vụ	: Trợ lý Tổng Giám đốc phụ trách Đầu tư – Nghiên cứu phát triển/Trưởng phòng R&D
Sinh năm	: 1968
Quê quán	: Thừa Thiên Huế
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân hóa
Lý luận chính trị	: Không có
Số cổ phần nắm giữ	: 2.835 cổ phần

ÔNG ĐÀO NGỌC MINH TIẾN

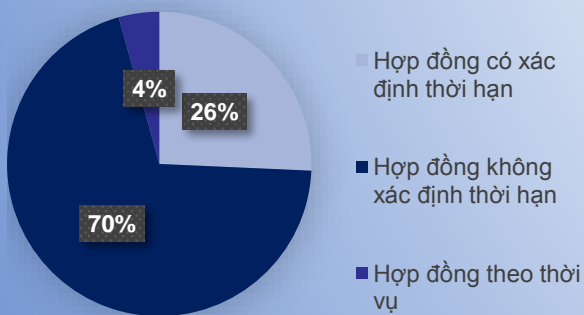
Chức vụ	: Trợ lý Tổng Giám đốc phụ trách Bán hàng– Thị trường
Sinh năm	: 1961
Quê quán	: TP. Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư cơ khí, Cử nhân kinh tế
Lý luận chính trị	: Trung cấp chính trị
Số cổ phần nắm giữ	: 9 cổ phần

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY

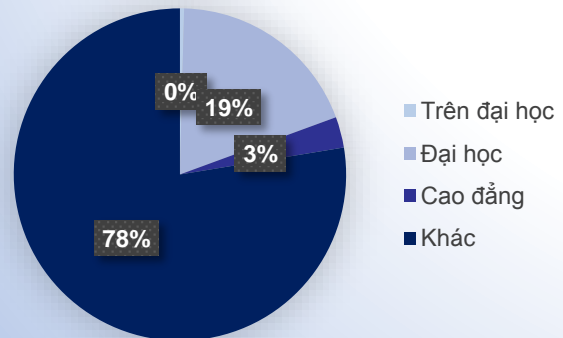
Cơ cấu người lao động của Công ty năm 2017:

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	1.144	100%
1	Trên Đại học	5	0,4%
2	Đại học	217	19,0%
3	Cao đẳng	34	3,0%
4	Khác	888	77,6%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	1.144	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	294	25,7%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	801	70,0%
3	Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	49	4,3%

Cơ cấu lao động theo tính chất hợp đồng



Cơ cấu lao động theo trình độ



CÔNG TÁC NHÂN SỰ - TIỀN LƯƠNG

- ✦ Thực hiện việc xây dựng và giao chỉ tiêu về chi phí, giá thành trên từng sản phẩm để vừa khuyến khích tăng năng suất lao động, tích hợp “Mục tiêu chất lượng” và hệ thống KPIs cho các đơn vị để dễ dàng thực hiện hơn.
- ✦ Quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của người lao động. Thực hiện mua Bảo hiểm sức khỏe, Bảo hiểm tai nạn 24/24, Bảo hiểm nhân thọ cho toàn thể cán bộ nhân viên của Công ty để tăng cường sự gắn bó lâu dài với Công ty.



PHONG TRÀO THI ĐUA VÀ CÔNG TÁC XÃ HỘI

- ✦ Trong năm 2017 Công ty đã tiếp tục duy trì các phong trào thi đua như tiết kiệm chi phí, Văn phòng kháng trang lịch sử, v.v.... Bên cạnh đó, Công ty cũng tổ chức các phong trào thi đua về doanh số bán hàng cho các cán bộ nhân viên nhằm nâng cao sản lượng bán hàng của Công ty.
- ✦ Công ty cũng tập trung chăm lo đến đời sống của các cán bộ nhân viên Công ty, cán bộ nhân viên nghỉ hưu, luôn có một khoản trợ cấp cho những nhân viên có hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ giúp đỡ các viện dưỡng lão, làng trẻ em, những nơi nuôi dưỡng trẻ em mồ côi khuyết tật, v.v...

2 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.695.179.365.069	1.780.652.163.824	105%
Tổng doanh thu	2.537.379.612.088	2.863.558.252.775	113%
Doanh thu thuần	2.346.877.385.779	2.612.940.098.761	111%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	279.032.643.250	149.759.366.666	54%
Lợi nhuận khác	1.652.293.412	25.105.323.876	1419%
Lợi nhuận trước thuế	280.684.936.662	174.864.690.542	62%
Lợi nhuận sau thuế	223.285.903.396	135.807.657.708	61%
Tỷ lệ cổ tức/mệnh giá	22%	30%	-

Tính đến cuối năm 2017, tổng giá trị tài sản của Công ty đạt 1.781 tỷ đồng, tăng 5,33% so với năm 2016. Nguyên nhân là do tổng tài sản tăng chủ yếu ở tài sản dài hạn, cụ thể là khoản mục đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đạt 205 tỷ. Trong năm 2017 nắm bắt được tiềm năng phát triển, Ban lãnh đạo đã đề ra và thực hiện việc tổ chức sắp xếp, quy hoạch lại sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả. Cùng năm trong phương án này, Công ty đã đầu tư mua 2 ha tại VSIP Bắc Ninh và sẽ xây dựng nhà kho thành phẩm và văn phòng trên diện tích đất này. Như vậy, Công ty tích cực thực hiện cải tiến quá trình hoạt động nhằm tạo sự tự tin mở ra triển vọng tăng trưởng bền vững, đồng thời thể hiện năng lực hợp tác với những Công ty đầu ngành ở ngoài nước như Furukawa Battery.

Mặt khác, nắm bắt được những thách thức của thị trường trong năm 2017, Công ty đã linh động trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất, điều chỉnh số lượng sản xuất của từng dòng sản phẩm sao cho phù hợp với tình hình thị trường. Cụ thể, tình hình tiêu thụ ô tô diễn ra âm ảm dẫn đến các hoạt động lắp ráp ô tô kém sôi động làm cho việc tiêu thụ pin ắc quy cũng bị hạn chế. Do đó, nhằm giải quyết vấn đề này, Công ty đã linh động cung ứng các dòng sản phẩm ở các phân khúc thị trường khác nhau, đồng thời thương lượng mức chiết khấu với nhà phân phối. Điều này, đã mang đến tín hiệu tích cực khi doanh thu tính đến cuối năm 2017 đạt 2.864 tỷ đồng, tăng gần 13% so với cùng kỳ năm 2016. Trong năm Công ty có khoản thu nhập từ việc hỗ trợ di dời nhà máy với trị giá 25 tỷ. Tuy nhiên, do tác động của giá nguyên liệu đầu vào tăng mạnh, cụ thể giá kẽm tăng 43% so với năm 2016, giá chì tăng 27% so với năm 2016 đã làm lợi nhuận trước thuế của Công ty chỉ đạt 175 tỷ đồng, giảm 38 % so với cùng kỳ năm trước.

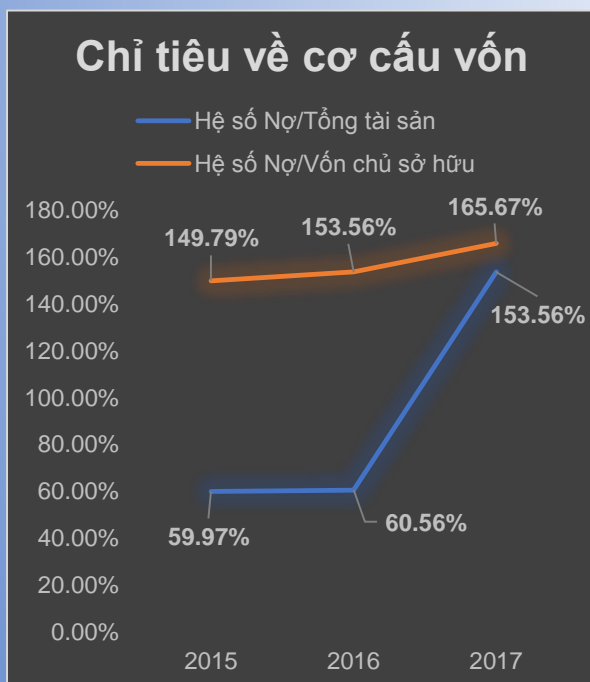
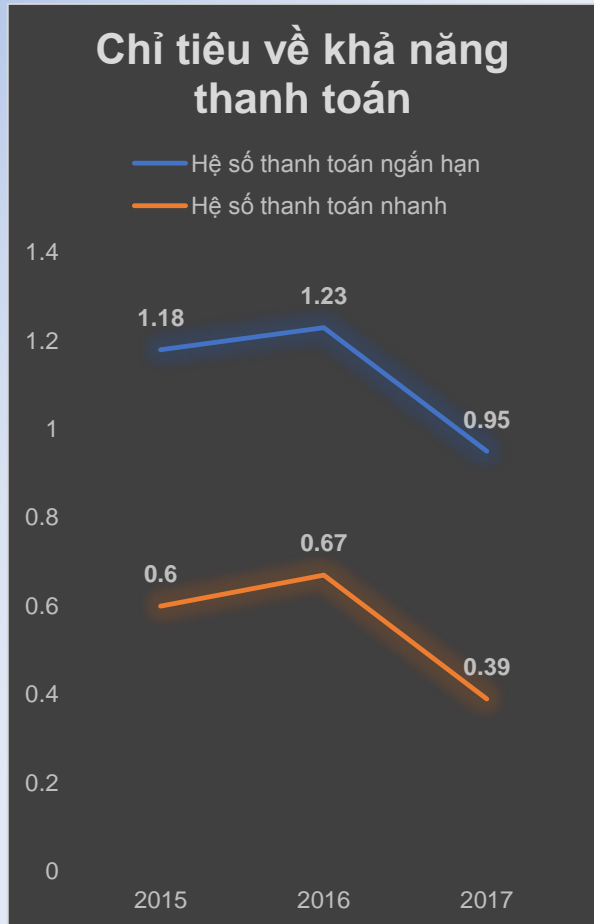
Nhìn chung, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm qua đều được duy trì ổn định; bên cạnh những chính sách đúng đắn, phù hợp với tình hình thị trường, kế hoạch hoạt động linh động của Ban lãnh đạo, đó còn là sự đóng góp và làm việc hết mình của toàn thể đội ngũ cán bộ công nhân viên của PINACO, đã góp phần mang đến tiềm năng và cơ hội cho sự phát triển bền vững của Công ty cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam trong hiện tại và tương lai.

CÁC HỆ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,23	0,95
Hệ số thanh toán nhanh ((TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,67	0,39
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	60,56	62,36
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	153,56	165,67
Chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	3,66	3,82
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Vòng	1,59	1,50
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	9,51	5,20
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	38,02	20,29
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	15,09	7,81
Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	11,89	5,73

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

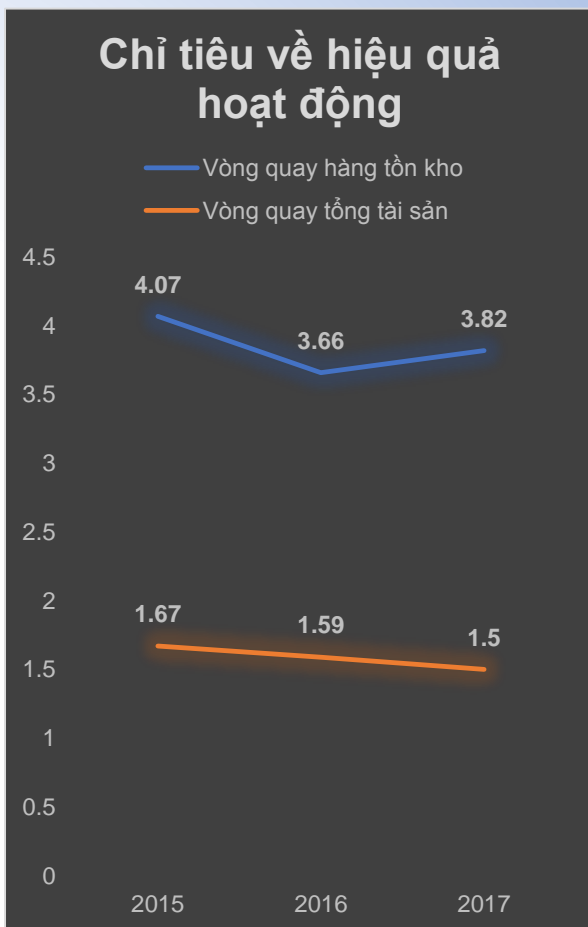
Trong năm 2017, các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty giảm so với cùng kỳ năm 2016, cụ thể Hệ số thanh toán ngắn hạn giảm từ 1,23 lần xuống còn 0,95 lần. Nguyên nhân chính là do trong năm 2017 Công ty đã sử dụng một khoản tiền có giá trị hơn 44 tỷ đồng cho việc mua 2 hecta đất tại Bắc Ninh phục vụ cho việc đầu tư kho, văn phòng tại đây và chi hơn 100 tỷ để mua máy móc thiết bị và xây dựng nhà xưởng. Đồng thời, khoản mục đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty đã chuyển dịch sang đầu tư tài chính dài hạn, khoản mục này giảm từ 467 tỷ đồng xuống còn 248 tỷ đồng. Hệ số thanh toán nhanh của Công ty đã giảm gần một nửa so với năm 2016, từ 0,67 lần xuống còn 0,39 lần, chủ yếu do giá trị hàng tồn kho trong năm của Công ty đã tăng từ 572 tỷ đồng lên 627 tỷ đồng, nguyên nhân là do giá chì, kẽm tăng cao nên giá trị tồn kho tăng theo.



CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Các chỉ số về cơ cấu vốn của Công ty trong năm 2017 đều có xu hướng tăng so với năm 2016, cụ thể Hệ số Nợ/Tổng tài sản tăng từ 60,56% lên 153,36% và Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu tăng từ 153,56% lên 165,67%. Nguyên nhân chủ yếu là do lãi suất vay rẻ nên Công ty trong năm 2017 đã tích cực vay Ngân hàng để bổ sung vốn lưu động, phục vụ sản xuất và đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh của Công ty.

CHỈ TIÊU VỀ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

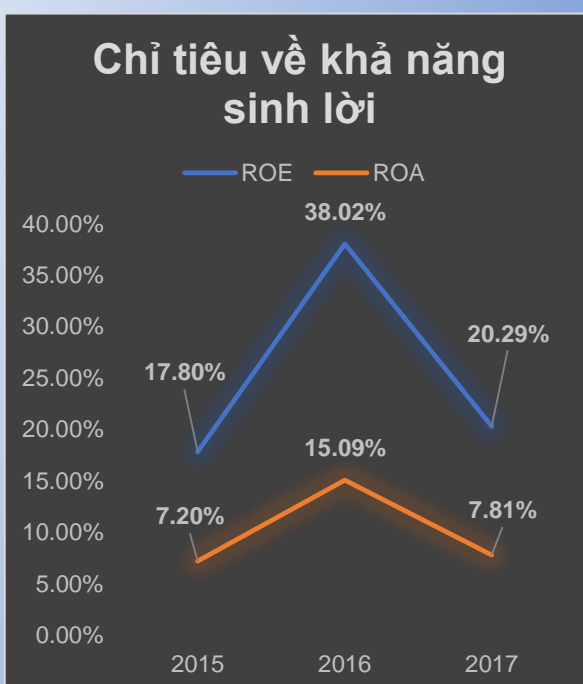


Trong năm 2017, chỉ tiêu Vòng quay hàng tồn kho của Công ty tăng từ 3,66 vòng lên 3,82 vòng so với cùng kỳ năm 2016, là do giá nguyên liệu đầu vào cụ thể là giá chì tăng 27% và giá kẽm tăng 43% dẫn đến giá vốn của Công ty cũng tăng từ 1.848 tỷ đồng lên 2.294 tỷ đồng, do vậy, mặc dù lượng hàng tồn kho bình quân năm tăng nhưng tốc độ tăng không bằng tốc độ tăng giá vốn hàng bán trong năm.

Chỉ tiêu Vòng quay Tổng tài sản trong năm 2017 của Công ty đã giảm nhẹ từ 1,59 vòng xuống còn 1,50 vòng so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân là do tốc độ tăng trưởng của Tổng tài sản bình quân cao hơn tốc độ tăng trưởng của Doanh thu thuần, cụ thể là trong những năm gần Công ty đang có xu hướng mở rộng sản xuất kinh doanh nhằm tăng công suất hoạt động của các nhà máy, đây là hướng đi được Ban điều hành Công ty đánh giá mang lại tiềm năng tăng trưởng mạnh trong tương lai gần.

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Nhìn chung, các chỉ số về khả năng sinh lời của Công ty trong năm 2017 đều có xu hướng giảm, nguyên nhân chính là do chi phí nguyên vật liệu đầu vào của Công ty tăng mạnh làm cho lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh giảm từ 279 tỷ đồng xuống còn 150 tỷ đồng dẫn đến lợi nhuận sau thuế cũng giảm tương đương 60,82% so với năm 2016. Tuy nhiên, Công ty cũng đã có các biện pháp nhằm giảm thiểu rủi ro từ việc biến động giá nguyên vật liệu, tăng cường kiểm soát chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tạo điều kiện cho Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn này.



2

TÌNH HÌNH CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thông tin về cổ phần Công ty:

Tổng số cổ phần phát hành	: 46.471.707 cổ phần
Cổ phiếu quỹ	: 0 cổ phần
Cổ phiếu đang lưu hành	: 46.471.707 cổ phần
Loại cổ phần	: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phần

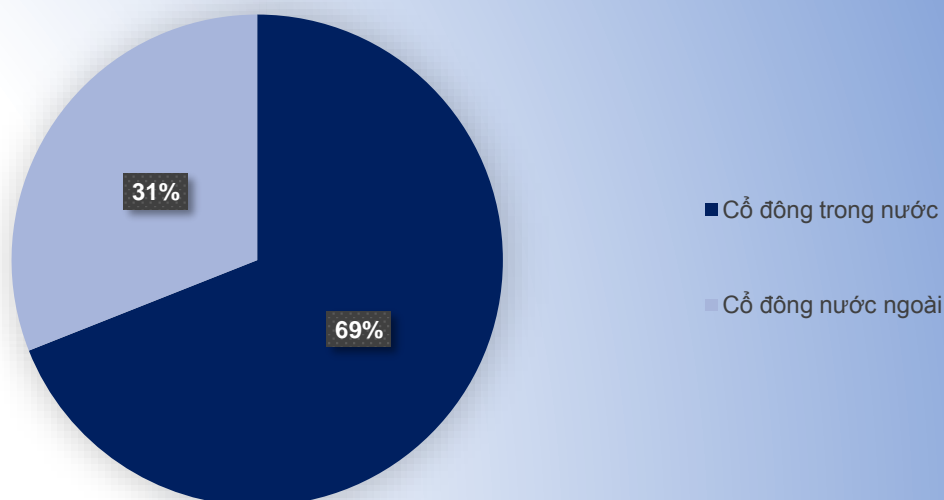
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Loại cổ đông	Số lượng cổ đông (người)	Số lượng (cổ phiếu)	% vốn điều lệ
Tổng cộng	1.591	46.471.707	100%
Cổ đông trong nước	1.367	31.957.628	69%
Tổ chức	37	24.847.357	53%
Cá nhân	1.330	7.110.271	15%
Cổ đông nước ngoài	224	14.514.079	31%
Tổ chức	41	14.153.315	30%
Cá nhân	183	360.764	1%



PINACO

Cơ cấu lao động



DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên cổ đông	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
1	TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM	23.898.273	238.982.730.000	51,43%
2	THE FURUKAWA BATTERY CO. LTD.	4.899.708	48.997.080.000	10,54%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

Trong năm 2017 vốn chủ sở hữu của Công ty không thay đổi.

2

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Ô nhiễm môi trường là một vấn đề nóng trên toàn cầu. Hiện nay, môi trường toàn cầu đang bị đe dọa trầm trọng, vì tình hình thế giới ngày càng phát triển, các nhà máy, công trình, xưởng sản xuất mỗi ngày thải ra ngoài môi trường rất nhiều chất thải như: khí thải, chất thải nguy hại, nước thải dẫn đến môi trường bị ô nhiễm nặng. Do đó, bảo vệ môi trường là nhiệm vụ cấp thiết hiện nay.

Bên cạnh đó, nguyên liệu sản xuất chính của Công ty là chì, kẽm. Trong khi, chì lại là chất gây ô nhiễm nặng nề nhất, nguyên nhân là chì rất độc, gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Hiểu rõ được điều này nên trong những năm qua Công ty đã triển khai nhiều biện pháp quản lý môi trường như: Áp dụng và đạt chứng nhận hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015; tổ chức đánh giá tác động môi trường & được phê duyệt của các cơ quan lý chức năng trước khi triển khai dự án. Đầu tư các hệ thống xử lý bụi - khí thải: đạt Quy chuẩn về kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp QCVN 19:2009; Hệ thống xử lý nước thải hiện đại: đạt Quy chuẩn về kỹ thuật Quốc gia về nước thải Công nghiệp QCVN 40:2011; Về quản lý chất thải rắn – chất thải nguy hại công ty đã tổ chức triển khai phân loại chất thải tại nguồn, kho chất thải tập trung riêng biệt như kho chứa chất thải sinh hoạt, chất rắn thông thường; chất thải nguy hại. Và ký hợp đồng chuyển giao – xử lý tái chế với các công ty có chức năng; Thực hiện giám sát chất lượng môi trường và báo cáo giám sát môi trường với các cơ quan quản lý về môi trường đúng như cam kết của đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và đúng quy định. Từ đó hướng tới mục tiêu phát triển bền vững trong tương lai.

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Đối với một doanh nghiệp sản xuất thì nguồn nguyên vật liệu là yếu tố quyết định đến doanh thu, lợi nhuận của Công ty. Ngoài ra, trong môi trường cạnh tranh như hiện nay, để có thể giữ vững vị thế của mình, Công ty thường xuyên thay đổi mẫu mã, nâng cao chất lượng sản phẩm trong khi vẫn đảm bảo giá bán thì việc quản lý sử dụng nguồn nguyên vật liệu một cách hiệu quả là một việc làm cấp thiết.

Năm 2017, Công ty đã thực hiện các chính sách nhằm tiết kiệm nguồn nguyên liệu trong khâu sản xuất nhằm giảm giá thành sản phẩm. Tổng lượng nguyên liệu mà Công ty tiêu thụ trong năm cụ thể như sau:

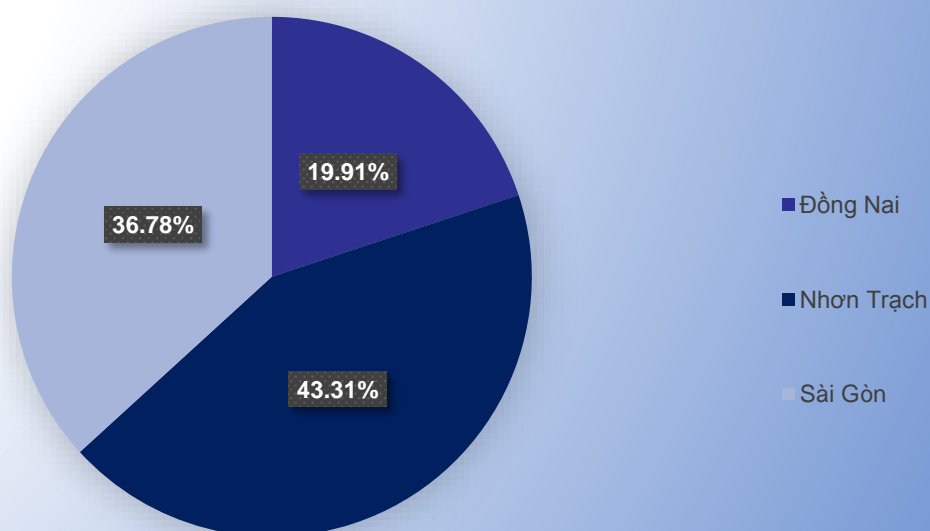
STT	Tên nguyên vật liệu	ĐVT	Giá trị
1	Chì	Tấn	23.845
2	Acid Sulfuric	Tấn	3.517
3	Điện	KWH	26.687.569
4	Nước	M ³	228.730
5	Gas	Lít	1.936.535
6	Kẽm	Tấn	1.328

Công tác thu hồi chì, kẽm phế liệu được tiếp tục triển khai ở tất cả các xí nghiệp của Công ty trong năm 2017. Chì phế liệu trong quá trình sản xuất được thu gom lại và giao cho một đơn vị gia công tái chế lại để đưa vào sản xuất.

Năm qua, khối lượng nguyên vật liệu tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm đạt 1.149.351 kg. Cụ thể:

STT	Xí nghiệp	ĐVT	Khối lượng chì thu hồi trong năm
1	Đồng Nai	Kg	228.856
2	Nhơn Trạch	Kg	497.757
3	Sài Gòn	Kg	422.738
4	Con Ó	Kg	-
Tổng cộng		Kg	1.149.351
Tổng NVL xuất SX (chì, kẽm)		Kg	25.173.000

Cơ cấu chì thu hồi ở các xí nghiệp



TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Năng lượng đóng vai trò quan trọng trong thời kỳ công nghiệp hóa hiện đại hóa, cùng với đó việc phát triển kinh tế xã hội thì nhu cầu sử dụng năng lượng sẽ có xu hướng tăng. Bên cạnh đó, việc sử dụng không hợp lý đã gây ra tình trạng cạn kiệt nguồn nguyên liệu khó tái tạo, dẫn đến những tác động tiêu cực cho hệ sinh thái. Đồng thời, tình trạng khan hiếm nguyên liệu này ngày càng tăng tác động đến giá có xu hướng tăng cao trong những năm gần đây. Ngoài ra, với nguồn năng lượng hóa thạch, ngành công nghiệp điện đã thải lượng lớn khí cacbon ra môi trường gây ra hiện tượng hiệu ứng nhà kính, biến đổi khí hậu, v.v... làm ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng tăng trưởng, phát triển bền vững của nền kinh tế trong và ngoài nước. Nhận thức được tầm ảnh hưởng của việc sử dụng năng lượng đến mọi mặt của mỗi quốc gia, Chính phủ Việt Nam đã đưa ra nhiều chính sách phù hợp với tình hình nhằm tiết kiệm được nguồn năng lượng tối đa, đồng thời sử dụng năng lượng hiệu quả nhất.

Với vị thế là doanh nghiệp đứng đầu ngành sản xuất pin, ắc quy trong nước nên trong năm qua Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp để tiết kiệm nguồn năng lượng sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Lượng điện năng, nước và gas mà Công ty tiết giảm được trong năm:

Chỉ tiêu	ĐVT	Tỷ lệ %	Giá trị
Định mức điện giảm được	KWH	30%	646.032,50
Định mức gas giảm được	Lít gas	15%	22.377,07
Định mức nước giảm được	M3	50%	2.559,16



TIÊU THỤ NƯỚC

Nước là thành phần không thể thiếu trong đời sống của con người, là một phần quan trọng của quá trình vận hành hoạt động của nền kinh tế. Tuy nhiên, hiện nay nhiều nơi đang tiêu thụ nước một cách lãng phí, đồng thời tình trạng nước chưa qua xử lý xả thải thẳng ra môi trường cũng đang là vấn đề được Nhà nước quan tâm. Do đó, nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ nguồn nước và để có thể sử dụng một cách tiết kiệm, hợp lý là một bài toán được chú trọng hiện nay. Công ty đã đưa ra những biện pháp hợp lý, đồng thời còn tích cực tuyên truyền và khuyến khích mỗi người lao động cần phải tự ý thức được tầm quan trọng của nguồn nước và sử dụng nguồn nước một cách hợp lý để có thể vào vệ được cuộc sống của chính mình.

Năm qua, lượng nước thủy cục sử dụng tại các Xí nghiệp của Công ty như sau:

Nhà máy	Nguồn cung cấp	Lượng sử dụng (m ³)	
		Năm 2016	Năm 2017
Đồng Nai	Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai	151.287	133.915
Đồng Nai 2	Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex - Tân tạo	86.022	91.184
Tổng cộng		237.309	225.099

Tổng lượng nước thủy cục tái chế và tái sử dụng trong năm:

Nội dung	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
Sử dụng nước thủy cục sau xử lý nước thải để rửa nền khu vực hoá thành	m ³	3.166	4.000
Lắp hệ thống hoàn lưu nước thủy cục tưới trực cán trát cao	m ³	300	450
Tổng cộng	m³	3.466	4.450

2

TUÂN THỦ VỀ PHÁP LUẬT MÔI TRƯỜNG

Năm 2017, Công ty luôn thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các quy định về công tác bảo vệ môi trường, do đó Công ty không bị xử phạt vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM (PAC) CAM KẾT:



Tuân thủ pháp luật, các quy định và yêu cầu khác về môi trường có liên quan.



Thiết lập, duy trì và cải tiến liên tục hệ thống quản lí môi trường phù hợp nhằm ngăn ngừa ô nhiễm, bảo vệ môi trường.



Truyền đạt chính sách môi trường đến mọi nhân viên, các nhà thầu và các bên liên quan nhằm đảm bảo sự tham gia của mọi người.



PINACO



CÁC BIỆN PHÁP

✚ Về củng cố bộ máy làm công tác bảo vệ môi trường trong đơn vị

Để có thể thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường Công ty đã thành lập ban môi trường từ Công ty đến các xí nghiệp thành viên. Trong Ban có phân công trưởng ban và thường trực môi trường dưới sự quản lý trực tiếp của Ban lãnh đạo Công ty và Xí nghiệp. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã lập kế hoạch kinh phí cho hoạt động bảo vệ môi trường. Cụ thể kinh phí bảo vệ môi trường đã thực hiện trong năm 2017 là 8.462.863.299 đồng.

✚ Tổ chức kiểm tra giám sát thực hiện công tác bảo vệ môi trường

Các xí nghiệp thành viên của Công ty đều được tổ chức BUREAU VERITAS CERTIFICATION VIET NAM LIMITED cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý môi trường ISO 14001: 2015. Bên cạnh đó, Công ty cũng tiếp tục sử dụng hệ thống quản lý môi trường ISO14001: 2015 tại các đơn vị thành viên.

Ngoài ra, Công ty cũng đã tuân thủ những quy định của Chính phủ và các cơ quan liên quan về môi trường, từ đó giảm bớt những tác động có hại đến môi trường từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thêm vào đó, Công ty luôn đầu tư, nâng cấp các thiết bị xử lý khí thải, nước thải, v.v... nhằm duy trì môi trường lao động trong sạch, giữ gìn sức khỏe cho người lao động.

Công ty đã nâng cao việc kiểm soát môi trường nhờ vào việc giảm thiểu chất thải ngay từ nguồn thải, thu gom, phân loại, lưu giữ theo qui định của Bộ Tài Nguyên Môi Trường và chỉ chuyển giao chất thải cho các Công ty/đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý, tiêu huỷ chất thải có chức năng được luật pháp cho phép. Đồng thời, Công ty cũng thường xuyên nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho toàn thể cán bộ nhân viên Công ty.

Định kỳ Công ty sẽ kiểm tra, đánh giá lại việc hoàn thành các mục tiêu môi trường đã đề ra cũng như đặt ra mục tiêu khác cao hơn nhằm cải thiện môi trường tốt hơn.

CÁC CHỈ TIÊU VỀ MÔI TRƯỜNG

❖ **Đối với nước thải:** Tất cả các xí nghiệp của PINACO đều có đầu tư hệ thống xử lý nước thải 24/24, tất cả nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt thải ra đều được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn cho phép: Quy chuẩn về kỹ thuật Quốc gia về nước thải Công nghiệp QCVN 40:2011 trước khi thải ra môi trường ngoài hoặc thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp. Nước thải sau xử lý tại Xí nghiệp Ấc quy Đồng Nai và Xí nghiệp thành viên được tái sử dụng lại, góp phần tiết kiệm nước sử dụng và giảm thiểu tác động môi trường & sử dụng nguồn tài nguyên môi trường (lượng nước tái sử dụng: 40 m3/ ngày).

❖ **Đối với bụi - khí thải:** Tất cả các xí nghiệp của PINACO đều có đầu tư hệ thống xử lý bụi, khí thải, tất cả các nơi có phát sinh bụi, hơi khí độc thải, cụ thể như: hệ thống xử lý hơi axit tại các phân xưởng hóa thành của các xí nghiệp sản xuất ắc quy, các hệ thống xử lý bụi, khí độc thải ra từ các nồi nấu chì, kẽm, cưa cắt thè, lắp ráp, v.v... đạt Quy chuẩn về kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp, QCVN 19:2009.

❖ **Đối với chất thải rắn – Chất thải nguy hại:** Đầu tư các kho lưu chứa tạm đúng theo quy định của Bộ Tài nguyên và môi trường. Công ty ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom tái chế và đưa về lại để sử dụng. Cụ thể là xỉ kẽm, xỉ chì, phế liệu chì.

❖ **Đối với chất thải sinh hoạt:** ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom vận chuyển và xử lý.

Công ty luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường hướng tới mục tiêu phát triển bền vững với các hoạt động thân thiện với môi trường.

2

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tính đến thời điểm 31/12/2017, Công ty có 1.136 lao động.

- Công ty thành lập hội đồng An toàn vệ sinh lao động để chỉ đạo, kiểm tra giám sát công tác an toàn vệ sinh lao động trong toàn công ty theo Luật An toàn vệ sinh lao động năm 2016.
- Công ty xây dựng và thực hiện nghiêm Thỏa ước lao động tập thể công ty trình Sở lao động Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt với nhiều điều khoản có lợi cho người lao động như: Tổ chức bồi dưỡng độc hại và khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp, mua bảo hiểm tai nạn 24/24, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm hưu trí cho người lao động,... đúng theo quy định của Nhà nước. Hàng năm tổ chức cho người lao động đi nghỉ mát để tái tạo sức lao động, Chính quyền và Công đoàn thường xuyên tổ chức các hội thi nấu ăn, hội thao, hội diễn văn nghệ quần chúng để chăm lo vật chất và tinh thần cho CBCNV.

CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
Gián tiếp		
Tổng số lượt người gián tiếp được đào tạo	người	104
Tổng số giờ đào tạo	giờ	8.208
Trung bình	giờ/người/năm	79
Trực tiếp		
Tổng số người đào tạo	người	856
Tổng số giờ đào tạo	giờ	3.936
Trung bình	giờ/người/năm	5
Cấp quản lý		
Số cán bộ quản lý	người	11
Số giờ đào tạo	giờ	632
Trung bình	giờ/người/năm	57
Bình quân chung	giờ/người/năm	13

2

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

CÔNG TÁC XÃ HỘI, TỪ THIỆN

Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam luôn quan tâm đến đời sống của cán bộ nhân viên Công ty, và những cán bộ làm việc lại Công ty nhưng đã nghỉ hưu. Cụ thể là Công ty đã trợ cấp cho cán bộ hưu trí khó khăn, tặng quà cho các cháu thiếu nhi nhân dịp quốc tế thiếu nhi, tết trung thu. Công ty cũng đã khen thưởng cho những cháu là con cán bộ nhân viên Công ty đạt thành tích tốt trong học tập, trợ cấp cho các công nhân lao động có hoàn cảnh khó khăn.



Công ty cũng đã đặt ra cho mình trách nhiệm đối với xã hội, với cộng đồng. Với truyền thống tốt đẹp “Uống nước nhớ nguồn” của dân tộc Việt Nam và của Pinaco, mỗi dịp xuân về Công đoàn và Đoàn Thanh niên văn phòng công ty tổ chức vận động quyên góp từ Cán bộ công nhân lao động trong công ty để làm công tác xã hội – Đền ơn đáp nghĩa. Trong đó phải kể đến, hoạt động “Thăm hỏi, tặng quà nhân Ngày Thương binh liệt sĩ 27/7”, Công ty đã thăm hỏi và tặng 10 phần quà cho các Mẹ Việt Nam anh hùng, thương binh bệnh binh, gia đình liệt sỹ, đối tượng chính sách, người có công với cách mạng trên địa bàn Phường Cô Giang, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, thăm hỏi trợ giúp khu nuôi dưỡng người già cô đơn, trẻ em nghèo, mồ côi khuyết tật... vào các dịp lễ tết.v.v...

Tổng số tiền tham gia hoạt động xã hội từ thiện của đơn vị trong năm 1.420 triệu đồng.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

📊 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

📊 Tình hình tài chính

📊 Kế hoạch phát triển trong tương lai



PINACO

**PINACO - AN TOÀN CHO NGƯỜI
SỬ DỤNG VÀ MÔI TRƯỜNG**

3

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT
KINH DOANH TRONG NĂM 2017**

TÌNH HÌNH CHUNG

Trong năm 2017, nhờ vào sự nỗ lực của cán bộ nhân viên, cùng với định hướng chiến lược phù hợp và đúng đắn của Ban lãnh đạo đã góp phần giúp hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt được kết quả tốt. Các chỉ tiêu đã đề ra như Tổng doanh thu, Lợi nhuận trước thuế của Công ty đều vượt kế hoạch đặt ra. Những điều này đã góp phần tạo nên thương hiệu PINACO dẫn đầu cả nước về thị phần và chất lượng sản phẩm. Bên cạnh đó, việc hệ thống quản lý chất lượng hiệu quả, cũng như nâng cao ý thức của cán bộ nhân viên Công ty về chất lượng sản phẩm đã giúp Công ty có thể kiểm soát được toàn bộ quá trình sản xuất và giảm thiểu những sai sót về chất lượng có thể xảy ra.

THUẬN LỢI

Tình hình kinh tế vĩ mô ổn định và tăng trưởng khá bền vững: Lạm phát, lãi suất ngân hàng duy trì ổn định ở mức thấp, tỷ giá ngoại tệ ít biến động tạo điều kiện giúp công ty ổn định được chi phí tài chính. Thương hiệu mạnh, chất lượng sản phẩm ổn định và không ngừng được cải thiện tạo niềm tin cho người tiêu dùng, góp phần nâng khả năng cạnh tranh của sản phẩm PINACO trên thị trường.



KHÓ KHĂN

Giá chì, kẽm tăng rất cao, tính bình quân năm 2017, giá chì tăng 27% và giá kẽm tăng 43% so năm trước và đạt mức cao nhất trong vòng 10 năm qua. Ngoài ra việc phải nhập bổ sung bột chì do thiếu công suất cũng làm tăng thêm chi phí. Mặc dù giá chì tăng cao nhưng Công ty không tăng giá bán sản phẩm ắc quy tương xứng do sự cạnh tranh giá từ các công ty đối thủ nên ảnh hưởng đến kết quả thực hiện chỉ tiêu lợi nhuận.

Về mặt sản xuất, dù cả 3 nhà máy ắc quy đã hoạt động ở công suất tối đa nhưng Công ty vẫn phải triển khai quy hoạch lại sản xuất từ 3 nhà máy còn 2 nhà máy ở Đồng nai dẫn đến có giai đoạn thiếu hàng bán cục bộ, không đáp ứng kịp cho thị trường.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu bán hàng và cung ứng dịch vụ	2.537.380	2.863.558	112,85%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	190.502	250.618	131,56%
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung ứng dịch vụ	2.346.877	2.612.940	111,34%
4	Giá vốn hàng bán	1.848.123	2.294.313	124,14%
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng	498.755	318.627	63,88%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	26.883	49.561	184,36%
7	Chi phí tài chính	24.153	36.805	152,38%
-	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	13.710	24.412	178,06%
8	Chi phí bán hàng	177.282	138.198	77,95%
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	45.170	43.426	96,14%
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	279.033	149.759	53,67%
11	Thu nhập khác	1.987	26.004	1308,71%
12	Chi phí khác	334	898	268,86%
13	Lợi nhuận khác	1.652	25.105	1519,67%
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	280.685	174.865	62,30%
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	55.959	39.037	69,76%
16	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	1.440	20	1,39%
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	223.286	135.808	60,82%
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	4.486	3.037	67,69%

Dù vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng trong năm qua với sự cố gắng không ngừng nghỉ của đội ngũ cán bộ công nhân viên và Ban lãnh đạo đã giúp Công ty giữ vững thị trường và tiếp tục thực hiện những chính sách và kế hoạch tăng trưởng cho năm 2017 và trong tương lai. Cụ thể, năm qua Công ty đã đạt được thành tích đáng kể như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	TH 2017/ TH 2016	TH 2017/ KH 2017
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.537	2.750	2.864	112,85%	104,11%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	280	165	175	62,50%	106,06%
Cổ tức	%	22	>=15	45	204,5	300

Đối mặt với những khó khăn của thị trường tiêu thụ xe hơi, hoạt động lắp ráp bị ảnh hưởng sản lượng tiêu thụ, giá nguyên liệu đầu vào tăng mạnh tác động mạnh đến chi phí hoạt động, mục tiêu hoạt động được đề ra đầu năm. Đồng thời, Công ty còn tích cực thực hiện cải thiện và nâng cấp hoạt động sản xuất, quản lý Công ty. Do đó, Ban lãnh đạo đã phối hợp chặt chẽ với đội ngũ cán bộ công nhân viên đưa ra chính sách và kế hoạch đúng đắn, phù hợp với tình hình, cụ thể Công ty đã áp dụng giảm chiết khấu nhằm bù đắp khoản lợi nhuận do thị trường tiêu thụ sản lượng bị giảm giúp doanh thu trong năm đạt 2.864 tỷ đồng, tăng 12,85% so với cùng kỳ năm 2016 và 4,11% so với kế hoạch đề ra. Đồng thời, trong năm Công ty có khoản thu nhập đáng kể từ việc hỗ trợ, đền bù của đối tác là 25 tỷ đồng đã giúp lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 175 tỷ đồng, tăng trưởng chậm hơn so với năm 2016.

Bên cạnh những thách thức khó khăn trong năm đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình hoạt động, Công ty đã chủ động nắm bắt thị trường, đưa ra những kế hoạch phù hợp đã góp phần đạt được kế hoạch đề ra từ đầu năm bởi Đại Hội đồng cổ đông và góp phần tăng trưởng bền vững ở hiện tại và trong tương lai.

CÔNG TÁC KỸ THUẬT – SẢN XUẤT

- Việc chuyên môn hóa sản xuất theo nhóm sản phẩm giữa các xí nghiệp ắc quy giúp tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí và đáp ứng tương đối tốt nhu cầu tăng cao của thị trường trong điều kiện sản xuất đã ở công suất đỉnh và công tác đầu tư không kịp tiến độ.
- Trong năm qua đã hoàn thành cập nhật, nâng cấp Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO9001, hệ thống ISO-TS16949 và ISO14001 lên phiên bản mới nhất. Hệ thống quản lý chất lượng vận hành hiệu quả, ý thức chất lượng được củng cố giúp Công ty kiểm soát chặt toàn bộ quá trình sản xuất và giảm thiểu các sai sót về chất lượng.
- Triển khai mạnh mẽ công tác tìm kiếm nguồn vật tư thay thế với giá cạnh tranh, thay thế một phần chì, kẽm, vật tư nhập khẩu bằng nguồn trong nước góp phần hạ giá thành và giảm phụ thuộc vào hàng nhập khẩu. Công ty cũng hỗ trợ cho các nhà cung cấp trong nước từng bước chấn chỉnh công tác quản lý nhằm đảm bảo chất lượng vật tư cung cấp.

CÔNG TÁC TIÊU THỤ - THỊ TRƯỜNG

❖ Chúng ta cũng đã phát huy lợi thế của hệ thống phân phối, triển khai các chương trình thúc đẩy tiêu thụ phù hợp giúp duy trì lợi thế cạnh tranh, giữ vững thị trường trong nước và phát triển thị trường xuất khẩu. Kết quả doanh thu tiêu thụ nội địa tăng trưởng 13% và doanh thu xuất khẩu tăng trưởng 15% so với năm trước.

❖ Các sản phẩm của PINACO đang được cung cấp cho các nhà sản xuất ô tô, xe máy lớn như Thaco, Ford, Hyundai, Mercedes Benz, Honda, Yamaha, Suzuki, Piaggio... và xuất khẩu đến 32 quốc gia và vùng lãnh thổ.

❖ Tổ chức chuỗi sự kiện tri ân khách hàng trên 46 tỉnh thành với sự tham gia của 4.750 khách hàng là các điểm bán ắc quy trên cả nước. Đây là chương trình chăm sóc khách hàng có quy mô lớn nhất từ trước tới nay của PINACO. Chương trình này cùng với các hoạt động marketing, khuyến mãi liên tục, đa dạng đã tạo được những hiệu ứng rất tích cực từ các điểm bán, tạo nên sự khác biệt của PINACO so với các thương hiệu khác.

CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

➤ Theo dõi sát tình hình biến động tỷ giá, lãi suất để đàm phán với các ngân hàng nhằm đạt được lãi suất hợp lý nhất. Dòng tiền được quản lý hiệu quả, đảm bảo thanh khoản và tận dụng nguồn vốn nhàn rỗi gửi kỳ hạn ở các ngân hàng uy tín, mang lại thu nhập 49,56 tỷ đồng, tăng 84% so với năm 2016.

➤ Công ty cũng liên tục rà soát, quản lý chặt các khoản chi phí như: chi phí hàng tồn kho, công nợ khách hàng, không để phát sinh nợ khó đòi. Duy trì thường xuyên hoạt động của Ban kiểm soát nội bộ để đảm bảo tính tuân thủ quy trình và kịp thời chấn chỉnh các sai phạm ở tất cả các mặt hoạt động của Công ty.



PINACO

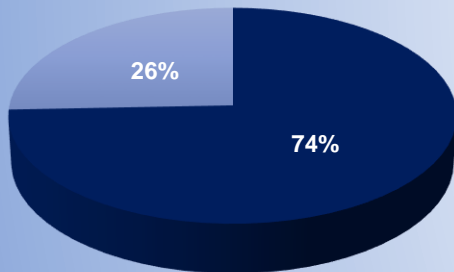
3

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

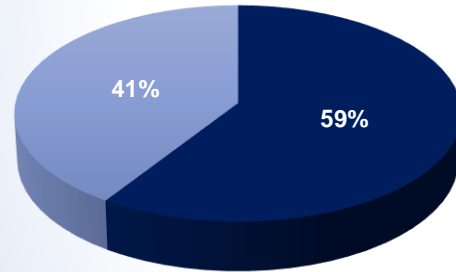
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	1.260.723	1.055.594	-16,27%
Tài sản dài hạn	Triệu đồng	434.457	725.058	66,89%
Tổng tài sản	Triệu đồng	1.695.179	1.780.652	5,04%

Năm 2016



■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn

Năm 2017



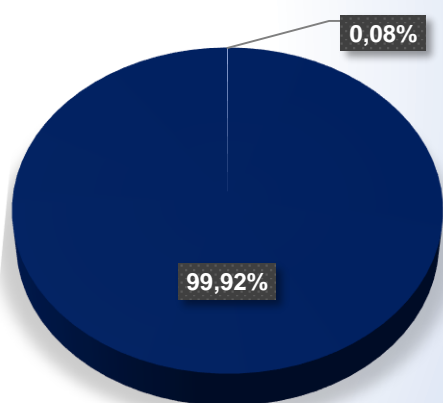
■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn

Tổng tài sản năm 2017 của Công ty đạt 1.780 tỷ đồng, tăng 5,04% so với năm 2016. Trong đó, tài sản dài hạn tăng 66,89%, trong khi tài sản ngắn hạn lại giảm 16,27%. Tài sản ngắn hạn giảm là do khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn giảm mạnh. Cụ thể, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền giảm 65,74%, khoản mục đầu tư tài chính ngắn hạn giảm 46,97%. Tài sản dài hạn của Công ty năm 2017 đạt 725 tỷ đồng, tăng 291 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2016.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

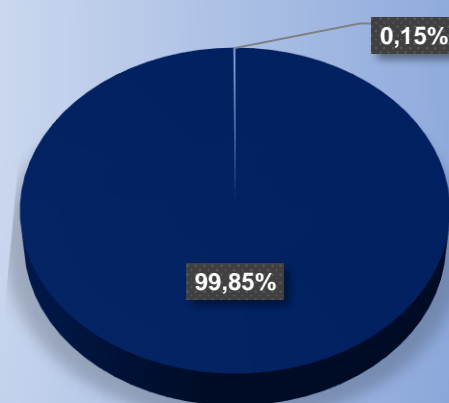
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	1.025.804	1.108.660	8%
Nợ dài hạn	Triệu đồng	820	1.734	111%
Tổng nợ phải trả	Triệu đồng	1.026.624	1.110.394	8%

Năm 2016



■ Nợ ngắn hạn ■ Nợ dài hạn

Năm 2017

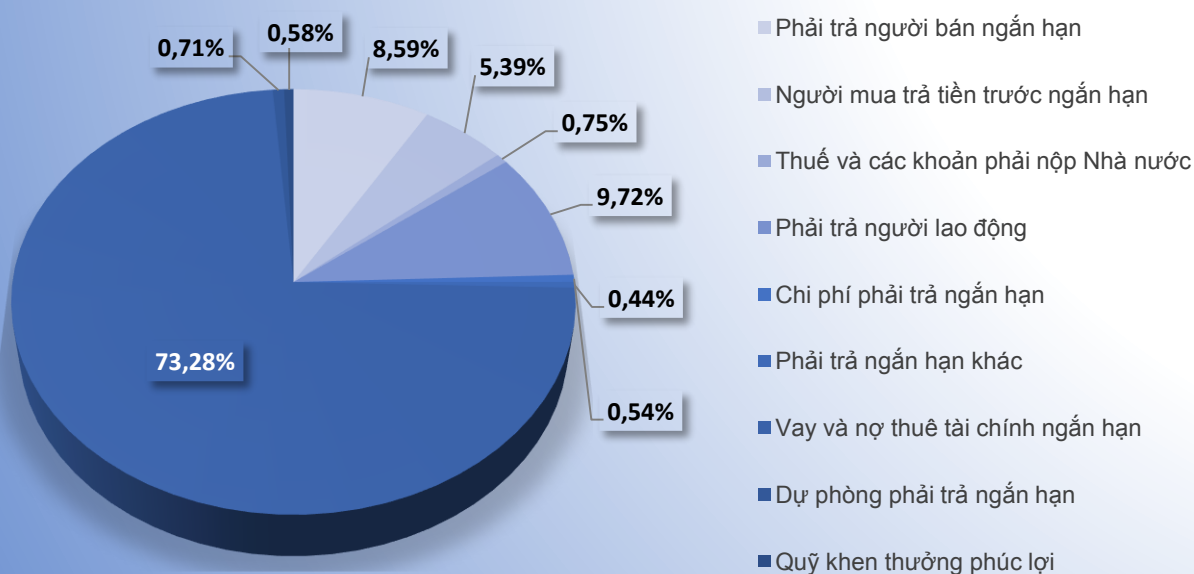


■ Nợ ngắn hạn ■ Nợ dài hạn

Tổng nợ phải trả của Công ty năm 2017 đã tăng 10.45%. Trong đó, nợ ngắn hạn tăng 10.37% và nợ dài hạn tăng 111.46%. Ngoài ra, tỷ trọng nợ ngắn hạn trong cơ cấu nợ phải trả không biến động nhiều. Năm 2017, nợ ngắn hạn chiếm 99.85% trong cơ cấu nợ phải trả.

TÌNH HÌNH CỤ THỂ NỢ NGẮN HẠN CỦA CÔNG TY

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2017	Tỷ trọng
Phải trả người bán ngắn hạn	Triệu đồng	97.047	8,75%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	Triệu đồng	59.604	5,38%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Triệu đồng	8.360	0,75%
Phải trả người lao động	Triệu đồng	107.490	9,70%
Chi phí phải trả ngắn hạn	Triệu đồng	5.980	0,54%
Phải trả ngắn hạn khác	Triệu đồng	4.901	0,44%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	Triệu đồng	810.949	73,15%
Dự phòng phải trả ngắn hạn	Triệu đồng	7.910	0,71%
Quỹ khen thưởng phúc lợi	Triệu đồng	6.418	0,58%
Tổng nợ ngắn hạn	Triệu đồng	1.108.659	100,00%



Khoản mục vay ngắn hạn chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu nợ ngắn hạn của Công ty. Cụ thể, vay ngắn hạn chiếm 73,06% đạt 811 tỷ đồng. Trong đó, khoản nợ bằng USD đạt 466 tỷ đồng chiếm 57,47% trong cơ cấu nợ ngắn hạn của Công ty. Ngoài ra, khoản mục phải trả người bán cũng chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu nợ ngắn hạn của Công ty. Điều này cho thấy, uy tín của Công ty trong việc thanh toán các khoản nợ nhà cung cấp và các khách hàng thân thiết. Như vậy, tình hình hoạt động tài chính của Công ty năm 2017 ổn định và đạt hiệu quả cao, đáp ứng đầy đủ nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh và đóng góp lớn vào kết quả lợi nhuận tăng cao trong năm qua, mặc dù vẫn còn gặp nhiều khó khăn do giá nguyên vật liệu đầu vào tăng cao.



3

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TƯƠNG LAI

NHẬN ĐỊNH CHUNG

Theo nhận định của Liên Hợp Quốc, nền kinh tế thế giới năm 2018 sẽ tiếp tục duy trì tốc độ phát triển ổn định, nhu cầu tiêu dùng tăng lên. Tuy nhiên, việc xu hướng thắt chặt tiền tệ và xu hướng bảo hộ mậu dịch tại các nước phát triển, cũng như thay đổi trong các chính sách thương mại của Trung Quốc, v.v... đã tạo ra nhiều thách thức cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

THUẬN LỢI

✚ Năm 2018 dự báo tình hình kinh tế tiếp tục xu thế tăng trưởng ổn định, môi trường kinh doanh ngày càng được cải thiện giúp nhu cầu ắc quy tiếp tục đà tăng.

✚ Về phía công ty: Thương hiệu mạnh, chất lượng sản phẩm ổn định và không ngừng được cải thiện tạo niềm tin cho người tiêu dùng. Các sản phẩm mới ắc quy VRLA gắn máy, CMF có chất lượng tốt, tiêu thụ mạnh giúp công ty duy trì đà tăng trưởng.

✚ Sau khi di chuyển sản xuất từ 3 nhà máy ắc quy về 2 nhà máy ở Đồng Nai kết hợp với việc quy hoạch, chuyên môn hóa sản xuất ở từng nhà máy đã giúp tiết giảm mạnh chi phí

✚ Chủ trương thoái vốn nhà nước xuống dưới 51% một mặt sẽ giúp tăng thêm tính chủ động cho doanh nghiệp nhưng cũng đồng thời là thách thức đối với vai trò làm chủ của người lao động, điều kiện hoạt động của các đoàn thể khi nhà nước không còn chi phối.

KHÓ KHĂN

✚ Giá vật tư, nguyên liệu chính vẫn duy trì ở mức rất cao, đặc biệt là giá chì, kẽm đều đạt mức cao nhất trong vòng 10 năm trở lại đây.

✚ Sự cạnh tranh quyết liệt từ các nhà sản xuất cùng ngành và sản phẩm ngoại nhập khi thuế nhập khẩu pin ắc quy giảm theo cam kết của các hiệp định tự do thương mại mà Việt Nam tham gia.

✚ Sức mua thị trường tăng cao trong khi năng lực sản xuất chưa thể đáp ứng kịp nhu cầu do đầu tư chậm tiến độ và việc tăng giá ắc quy càng khiến nhu cầu tăng đột biến, vượt quá năng lực sản xuất của công ty hiện nay.

✚ Trong năm 2018 công ty sẽ phải hoàn thành việc di dời nhà máy Pin Con Ó ra khu công nghiệp Tân tạo không tránh khỏi tác động đến sản xuất và tăng chi phí.

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SẢN XUẤT – KINH DOANH

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2018
Giá trị sản xuất công nghiệp	Tỷ đồng	2.706
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	3.000
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	145
Tổng mức đầu tư	Tỷ đồng	230
- Xây lắp	Tỷ đồng	50
- Thiết bị	Tỷ đồng	80
- Khác	Tỷ đồng	100

THE **EAGLE**

EAGLE

THE **CƠN Ó**

PAC



PINACO



ISO/TS 16949:2009



ISO 14001:2004



NHIỆM VỤ CHUNG



PINACO



Doanh thu: 3.000 tỷ đồng; Lợi nhuận 145 tỷ đồng; Thu nhập người lao động tăng 5% so với năm 2017.



Đầu tư nâng công suất ắc quy lên 2,2 triệu kwh/năm.



Hoàn thành cải tạo mặt bằng xí nghiệp Ắc quy Sài Gòn cũ để chuẩn bị cho việc di dời xí nghiệp Pin Con Ó trong năm nay.



Ký kết hợp đồng Hợp tác chiến lược với FB để phát triển ắc quy công nghệ cao và mở rộng hợp tác sang lĩnh vực kinh doanh.



Xây dựng và củng cố văn hóa công ty dựa trên truyền thống văn hóa và các giá trị cốt lõi 4C của Pinaco.

PHƯƠNG HƯỚNG, BIỆN PHÁP CỤ THỂ

Công tác kỹ thuật – sản xuất

✚ Điều độ sản xuất hợp lý nhằm phát huy tối đa năng lực sản xuất hiện có để đáp ứng kịp thời nhu cầu tiêu thụ.

✚ Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản lý theo hướng chuyên nghiệp. Tăng cường việc kiểm tra, rà soát định kỳ các xí nghiệp về công tác quản lý chất lượng và chất lượng sản phẩm, phát huy vai trò của mạng lưới QA để hệ thống quản lý chất lượng hoạt động thực chất và hiệu quả.

✚ Tiếp tục đánh giá đưa vào sử dụng các nguồn nguyên liệu giá rẻ và sàng lọc, thay thế các nhà cung cấp vật tư kém cạnh tranh nhằm tiết giảm chi phí. Thường xuyên kiểm tra để đảm bảo nhà cung cấp tuân thủ các yêu cầu chất lượng. Kiểm soát tồn kho vật tư để tăng hiệu quả sử dụng vốn, góp phần giảm chi phí, hạ giá thành.

Công tác tiêu thụ - thị trường:

❖ Phát huy ưu thế chất lượng, khả năng phục vụ của hệ thống phân phối và chính sách bán hàng linh hoạt, kết hợp với các chương trình trade marketing để cạnh tranh thắng lợi trên từng điểm bán.

❖ Quan tâm công tác bán hàng hộ lớn: chăm sóc chu đáo để duy trì các khách hàng truyền thống, hỗ trợ thúc đẩy bán hàng kênh phụ tùng và tìm mở thêm khách hàng mới.

❖ Đẩy mạnh hoạt động marketing, chú trọng các hình thức tương tác với khách hàng thông qua các chương trình khuyến mãi, các mạng xã hội và triển khai bán hàng trực tuyến

❖ Quan tâm mở rộng thị trường ở các quốc gia, khu vực có hiệp định Tự do Thương mại với Việt nam; hỗ trợ tiêu thụ ở các thị trường mới mở năm 2017 như : Malaysia, Philipine và chú trọng phát triển thị trường mới, đặc biệt là khu vực Châu Phi.

Công tác đầu tư, nghiên cứu phát triển

➤ Với mục tiêu khẩn trương đầu tư để đáp ứng kịp thời nhu cầu thị trường trước mắt cũng như những năm tiếp theo, trong năm nay sẽ đầu tư tiếp 01 dây chuyền lắp ráp ắc quy ô tô; dây chuyền đột dập sườn cực, thiết bị sản xuất ắc quy công nghiệp và các thiết bị lẻ nhằm tăng năng lực sản xuất ắc quy năm 2018 lên trên 2,5 triệu Kwh/năm và trên 300 triệu viên pin với tổng giá trị đầu tư trên 160 tỷ đồng.

➤ Phát triển đầy đủ các chủng loại ắc quy xe điện, ắc quy trạm, ắc quy Tubular mà thị trường đang có nhu cầu.

➤ Thực hiện mua đất mở rộng nhà máy ắc quy Đồng nai 2 và chuẩn bị cho nhà máy ắc quy mới đáp ứng nhu cầu tiêu thụ sau năm 2020.

Công tác khác

✓ Triển khai công tác chống lún, cải tạo nhà xưởng tại nhà máy ắc quy Sài gòn cũ để hoàn thành di dời nhà máy Pin Con Ó từ nội thành TP.HCM ra trong năm 2018. Đầu tư xây dựng chi nhánh phía Bắc tại khu công nghiệp VSIP Bắc Ninh.

✓ Từng bước đầu tư thiết bị tự động hóa để giảm sử dụng lao động, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý phù hợp với xu thế cuộc cách mạng 4.0 như: Triển khai dự án văn phòng số, hệ thống phần mềm quản lý đội ngũ bán hàng DMS.v.v...

✓ Xây dựng quy trình đánh giá nhân viên một cách toàn diện để có chế độ đãi ngộ hợp lý nhằm kích thích sự chủ động, sáng tạo của người lao động.

✓ Tăng cường công tác kiểm soát tính tuân thủ, phát huy vai trò kế toán quản trị, kiểm toán nội bộ để làm công cụ kiểm soát, phòng ngừa rủi ro, nâng cao tính hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 📊 **Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty**
- 📊 **Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT trong năm**
- 📊 **Các kế hoạch định hướng của HĐQT**



PINACO

**PINACO - AN TOÀN CHO NGƯỜI
SỬ DỤNG VÀ MÔI TRƯỜNG**

4

ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2017

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM

Năm 2017, diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều biến động; kinh tế trong nước có chuyển biến tích cực, môi trường kinh doanh được cải thiện: lạm phát được kiểm soát, mặt bằng lãi suất cho vay của các ngân hàng ổn định, biến động tỷ giá không nhiều,... giúp công ty chủ động triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Đối với Pinaco, ngoài những tác động từ thuận lợi và khó khăn nêu trên, sản xuất kinh doanh của Công ty có những thuận lợi, khó khăn sau:

- Thuận lợi:** hoạt động sản xuất sản xuất kinh doanh duy trì ổn định, bộ máy lãnh đạo có kinh nghiệm, đội ngũ lao động có chất lượng, tâm huyết là động lực quan trọng cho sự ổn định và phát triển.
- Khó khăn:** giá nguyên liệu chính tăng (giá chì tăng 27,2%, giá kẽm tăng 42,7% so cùng kỳ năm trước) trong khi giá bán sản phẩm của công ty tăng không tương xứng (tăng 3,83%); do quy hoạch lại sản xuất nên có xuất hiện tình trạng thiếu hàng bán ở một số thời điểm; phải nhập bổ sung bột chì do thiếu công suất làm tăng thêm chi phí; hơn nữa, trong xu thế toàn cầu nên cạnh tranh ngày càng quyết liệt.

Bám sát mục tiêu kế hoạch và nhiệm vụ đã được Đại Hội đồng cổ đông thường niên giao, HĐQT đã tập trung chỉ đạo Ban điều hành nhằm hoàn thành các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng theo đúng Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông đề ra.

STT	Nội dung các chỉ tiêu	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	So sánh (%)	
					Cùng kỳ	Kế hoạch
1	Tổng doanh thu	2.537	2.750	2.864	113	104
2	Lợi nhuận trước thuế	279	165	174	62	105
3	Lợi nhuận sau thuế	223		135	61	
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	4.486		3.037	68	
5	Cổ tức	22%	≥15%	(*) 45%	204,5	300
6	Vốn điều lệ (làm tròn số)	465		465	100	

(*) Công ty đã chia tiền mặt 15% (lần 1 chia 8% vào tháng 9/2017, lần 2 chia 7% vào tháng 12/2017), như vậy kế hoạch cổ tức năm 2017 đã hoàn thành. Tuy nhiên, với hiệu quả kinh doanh đạt được, HĐQT dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chia cổ tức cho năm 2017 là 45% và trả bằng tiền mặt.


THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY NĂM 2017

Cơ cấu Hội đồng Quản trị:

HĐQT gồm năm thành viên (một Chủ tịch và bốn thành viên), diễn biến như sau:

 Diễn biến cơ cấu thành viên HĐQT:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Phan Văn Tiền	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 27/4/2017
2	Ông Trần Thanh Văn	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 27/4/2017
3	Ông Ngô Đình Luyện	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 27/4/2017
4	Ông Cao Trọng Miên	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 27/4/2017
5	Bà Phạm Kiều Diễm	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 27/4/2017

 Hội đồng quản trị nhiệm kỳ hiện nay:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Phạm Thanh Tùng	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/4/2017
2	Ông Trần Thanh Văn	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm lại ngày 27/4/2017
3	Ông Shinichiro Ota	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/4/2017
4	Bà Lương Thị Anh Đào	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/4/2017
5	Ông Nguyễn Văn Chung	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/4/2017

4

HOẠT ĐỘNG, THÙ LAO CỦA HĐQT VÀ TỪNG THÀNH VIÊN HĐQT TRONG NĂM 2017

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- ✚ Hội đồng Quản trị có năm thành viên đều tốt nghiệp đại học trở lên, có kinh nghiệm trong quản lý; trách nhiệm của từng thành viên HĐQT:
 - Ông Phạm Thanh Tùng – Chủ tịch HĐQT: Chỉ đạo chung mọi hoạt động của Hội đồng quản trị; Trực tiếp phụ trách công tác chiến lược và công tác tổ chức nhân sự.
 - Ông Trần Thanh Văn- Thành viên HĐQT/TGD: Chỉ đạo điều hành toàn bộ hoạt động Ban Tổng giám đốc; Phụ trách chung mảng công bố thông tin của HĐQT; Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị giao.
 - Ông Shinichiro Ota - Thành viên HĐQT: Hỗ trợ công ty trong việc phát triển khách hàng Nhật Bản tại Việt Nam và các nước trong khu vực; Phụ trách phát triển bền vững, công tác môi trường; Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị giao.
 - Bà Lương Thị Anh Đào - Thành viên HĐQT: Phụ trách công tác tài chính - kế toán; Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị giao.
 - Ông Nguyễn Văn Chung - Thành viên HĐQT: Phụ trách công tác đầu tư xây dựng; Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị giao.
- ✚ Trong năm 2017, HĐQT tổ chức họp định kỳ hàng quý (không kể họp bất thường), cụ thể tổ chức 07 cuộc họp và đã ban hành 34 Nghị quyết, Quyết định (chi tiết theo phụ lục đính kèm); đã kịp thời đưa ra các chỉ đạo quản trị phù hợp với nhu cầu diễn biến của sản xuất và kinh doanh và đầu tư phát triển.
- ✚ Về mối quan hệ với cổ đông và công bố thông tin: HĐQT tuân thủ Quy chế quản trị theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với các công ty niêm yết; thực hiện đúng quy định việc công bố thông tin định kỳ, thường niên cũng như các thông tin bất thường cho các cổ đông trên trang Website Công ty, UBCK NN, Sở GDCK HCM.
- ✚ Về việc thực hiện phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và phương án chi trả cổ tức: Thực hiện đúng Nghị quyết về phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và phương án chi trả cổ tức năm đúng theo phương án phân phối lợi nhuận đã được Đại Hội đồng cổ đông thông qua năm 2017. Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2017, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành chia cổ tức 15% cho cổ đông hiện hữu bằng tiền mặt;
- ✚ Việc trả thù lao và chi phí cho HĐQT: Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT năm qua được thực hiện đúng theo mức nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra.
- ✚ Các nội dung khác:
 - HĐQT đã thực hiện tốt việc phối hợp, cung cấp các hồ sơ, tài liệu, thông tin... theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo chức năng của mình trong quản lý điều hành doanh nghiệp.
 - Công tác đoàn thể: HĐQT tạo điều kiện để các hoạt động của Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn Thanh niên... đóng góp tích cực trong việc động viên cán bộ công nhân viên tích cực thi đua sản xuất, thực hành tiết kiệm trong mọi lĩnh vực; phát huy truyền thống, văn hoá doanh nghiệp của Pinaco.

TỔNG THÙ LAO HĐQT NĂM 2017

Tổng thù lao HĐQT năm 2017 là 348.000.000 đồng

Trong đó:

+ Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2012-2017:

- Thù lao Chủ tịch HĐQT: 36.000.000 đồng.
- Thù lao của các thành viên: 96.000.000 đồng.

+ Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017-2022:

- Thù lao Chủ tịch HĐQT: 72.000.000 đồng.
- Thù lao của các thành viên: 144.000.000 đồng.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Ban điều hành Công ty gồm có bốn (04) thành viên đều có trình độ đại học trở lên; Trong đó có 01 Tổng Giám đốc, 02 Phó Tổng giám đốc, 01 Kế toán trưởng; đến thời điểm Đại hội danh sách Ban điều hành như sau:

STT	Họ và Tên	Chức danh	Ghi chú
1	Ông Trần Thanh Văn	Tổng Giám đốc	
2	Ông Lê Văn Năm	Phó TGD phụ trách Kỹ thuật – Sản xuất	
3	Ông Đào Ngọc Minh Tiến	Phó TGD phụ trách Bán hàng – Thị trường	Bổ nhiệm tháng 02/2017
4	Ông Nguyễn Duy Hưng	Kế toán trưởng	

Đánh giá về tình hình thực hiện nhiệm vụ của Ban điều hành: Năm 2017, Ban điều hành công ty đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại Hội đồng Cổ đông, HĐQT giao.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2017, HĐQT đã tổ chức 7 cuộc họp và đã ban hành 34 Nghị quyết/ Quyết định cụ thể:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
1	Số 42a/NQ-HĐQT/2017	25/01/2017	- Phê duyệt bầu ông Đào Ngọc Minh Tiến – Trợ lý TGD vào vị trí Phó TGD Kinh doanh.
2	Số 42b/NQ-HĐQT/2017	25/01/2017	- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 (chưa kiểm toán) và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017. - Nhất trí chủ trương kiện toàn sáp nhập Xí nghiệp Pin Con Ó và Xí nghiệp Ắc quy Sài Gòn. Giao cho người đại diện phần vốn Tập đoàn thực hiện các trình tự thủ tục tiếp theo.
3	Số 105/NQ-HĐQT/2017	23/02/2017	- Thông qua kế hoạch tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 và kế hoạch chi trả cổ tức đợt 2 năm 2016.
4	Số 120/NQ-HĐQT/2017	28/02/2017	- Nhất trí thông qua chủ trương bổ nhiệm lại các chức danh cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý toàn công ty có thời gian giữ chức vụ ≥03 năm.
5	Số 139/NQ-HĐQT/2017	10/03/2017	- Nhất trí phê duyệt bổ sung một số hạng mục đầu tư mới vào kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2017.
6	Số 152/NQ-HĐQT/2017	20/03/2017	- Nhất trí thông qua bổ nhiệm các cán bộ quản lý vào vị trí cấp Trưởng phòng công ty.
7	Số 195/NQ-HĐQT/2017	15/04/2017	- Nhất trí thông qua quyết toán quỹ tiền lương năm 2016.
8	Số 215/NQ-HĐQT/2017	25/04/2017	- Nhất trí thông qua kế hoạch tổ chức và nội dung trình ĐHĐCĐ Thường niên năm 2017. - Nhất trí thông qua điều chỉnh kế hoạch đầu tư năm 2017. - Nhất trí thông qua sửa đổi bổ sung Quy chế Tổ chức – Cán bộ.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
9	Số 217/QĐ-PA-HĐQT	26/04/2017	- Sửa đổi, bổ sung Quy chế Tổ chức – Cán bộ.
10	Số 227/PA-HĐQT	27/04/2017	<p>Nghị quyết thông qua chương trình ĐHĐCĐ Thường niên Pinaco trình ĐHĐCĐ 2017 phê duyệt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Báo cáo của HĐQT 2016; hoạt động thủ lao của HĐQT 2016, phương hướng hoạt động 2017, trình ĐHĐCĐ 2017 phê duyệt. - Thông qua báo cáo của Ban điều hành 2016; Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của ban điều hành 2016, phương hướng nhiệm vụ 2017, trình ĐHĐCĐ 2017 phê duyệt. - Thông qua việc cho phép lùi ngày thông qua báo cáo tài chính năm 2016 đã kiểm toán bởi Công ty TNHH Pricewaterhouse Coopers Việt Nam (Pwc) do chỉ tiêu lợi nhuận sẽ thay đổi và công ty sẽ điều chỉnh số liệu và thông qua đại hội sau bằng hình thức gửi văn bản, trình ĐHĐCĐ 2017 phê duyệt. - Thông qua báo cáo Ban kiểm soát về kết quả kiểm soát tình hình hoạt động công ty năm 2016; hoạt động thủ lao của BKS năm 2016, trình ĐHĐCĐ 2017 phê duyệt. - Thông qua phương án phân phối lợi nhuận chi trả cổ tức bằng tiền mặt 2016, trình ĐHĐCĐ 2017 phê duyệt. - Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2017, trình ĐHĐCĐ 2017 phê duyệt. - Thông qua phương án lựa chọn Công ty kiểm toán 2017, trình ĐHĐCĐ 2017 phê duyệt. - Thông qua quy chế và kết quả bầu TV HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2017-2022, trình ĐHĐCĐ 2017 phê duyệt.
11	Số 233/NQ-HĐQT/2017	04/05/2017	- Phê duyệt bầu ông Phạm Thanh Tùng giữ chức Chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2017-2022.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
12	Số 244/NQ-HĐQT/2017	15/05/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT. - Giao TGD sớm triển khai hoàn thiện BCTC năm 2016, trình HĐQT để làm các thủ tục thông qua ĐHĐCĐ bằng hình thức gửi văn bản. - Giao Tổng giám đốc sớm trình đơn vị kiểm toán BCTC năm 2017 mới để trình HĐQT thông qua theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty. - Thống nhất thông qua phương thức, thời gian dự kiến,... họp HĐQT. - Thống nhất tiêu chuẩn mức chi tiêu cho các thành viên HĐQT, BKS. - Thống nhất bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thư ký Công ty. - Bổ nhiệm Ông Nguyễn Duy Hưng – Kế toán trưởng kiêm Người công bố thông tin của Công ty thay thế Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận;
13	Số 245/QĐ-PA	15/05/2017	- Thay đổi người được ủy quyền công bố thông tin.
14	Số 251/NQ-HĐQT/2017	15/05/2017	- Nhất trí thông qua cách thức làm việc, tiếp nhận hồ sơ tài liệu và thành lập Tổ xác minh.
15	Số 257/NQ-HĐQT/2017	15/05/2017	- Nhất trí thông qua chủ trương chọn Công ty Cho Thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease ký kết hợp đồng vay vốn.
16	Số 261/QĐ-HĐQT	22/05/2017	- Thành lập Tổ xác minh.
17	Số 281/QĐ-HĐQT	13/06/2017	- Thông qua quyết định về việc cử cán bộ đi tham quan học tập tại nước ngoài.
18	Số 305/NQ-HĐQT/2017	23/06/2017	- Thống nhất thông qua quyết định đề nghị TGD đàm phán với Pwc về việc chấm dứt Hợp đồng kiểm toán 04 năm.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
19	Số 317/NQ-HĐQT/2017	03/07/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất chọn Chi nhánh Công ty TNHH Deloitte Việt Nam làm đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2017 của công ty. - Giao Tổng Giám đốc Công ty đại diện đàm phán và ký kết hợp đồng kiểm toán với Chi nhánh Công ty TNHH Deloitte Việt Nam để kiểm toán cho năm tài chính 2017 của Công ty và thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
20	Số 357/QĐ-HĐQT	24/07/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Thành lập Ban tổ chức, kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông thông qua BCTC năm 2016 điều chỉnh (đã kiểm toán).
21	Số 364/NQ-HĐQT/2017	25/07/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2017 và kế hoạch Quý III/2017. - Thông qua điều chỉnh kế hoạch đầu tư năm 2017. - Triển khai kế hoạch tổ chức lấy ý kiến cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2016 điều chỉnh (đã kiểm toán) bằng hình thức gửi văn bản.
22	Số 416/PA-HĐQT	28/08/2017	<p>Nghị quyết ĐHĐCĐ lấy ý kiến bằng văn bản phê duyệt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua số liệu Báo cáo tài chính năm 2016 điều chỉnh (đã kiểm toán).
23	Số 417/NQ-HĐQT/2017	29/08/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua chủ trương “Trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Furukawa Battery (FB) là đối tác chiến lược theo hình thức xin ý kiến bằng văn bản”. - Giao Tổng Giám đốc Công ty xây dựng kế hoạch, chuẩn bị các hồ sơ tài liệu xin ý kiến cổ đông bằng văn bản và ủy quyền cho HĐQT xem xét thông qua hợp đồng nguyên tắc; Báo cáo bổ sung các nội dung có liên quan tới việc triển khai hợp đồng hợp tác chiến lược với FB trình HĐQT xem xét thông qua sau khi hợp đồng nguyên tắc được ký kết.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
24	Số 418/NQ-HĐQT/2017	29/08/2017	- Thông qua điều chỉnh kế hoạch sửa chữa lớn năm 2017.
25	Số 420/PA-HĐQT	30/08/2017	- Thành lập chi nhánh của Công ty tại tỉnh Bắc Ninh trên cơ sở sẽ di dời Chi nhánh tại Hà Nội về vị trí này.
26	Số 429/NQ-HĐQT/2017	01/09/2017	- Chi trả cổ tức đợt 3 năm 2016 và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2017.
27	Số 437/QĐ-HĐQT	06/09/2017	- Thành lập Ban tổ chức, kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông thông qua việc lựa chọn FB là đối tác chiến lược theo hình thức xin ý kiến bằng văn bản.
28	Số 503/NQ-HĐQT/2017	18/10/2017	- Thông qua chủ trương lựa chọn Ngân hàng Standard Chartered ký kết hợp đồng vay ngắn hạn.
29	Số 508/PA-HĐQT	24/10/2017	Nghị quyết ĐHĐCĐ lấy ý kiến bằng văn bản phê duyệt: - Thống nhất lựa chọn Công ty TNHH Furukawa Battery là đối tác chiến lược. - Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét thông qua Hợp đồng nguyên tắc và triển khai thực hiện các nội dung tiếp theo.
30	Số 531/NQ-HĐQT/2017	02/11/2017	- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh 09 tháng đầu năm 2017 và kế hoạch Quý IV/2017. - Chi trả cổ tức đợt 2 năm 2017.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
31	Số 581/NQ-HĐQT/2017	03/11/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất xây dựng chiến lược phát triển Công ty. - Thống nhất thông qua tiến độ kế hoạch xây dựng, ban hành các quy chế, quy định,... về quản trị công ty năm 2017 và Quý I/2018. - Thống nhất số liệu báo cáo tiến độ thực hiện các dự án đầu tư Quý III và 9T/2017. - Thống nhất phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với 02 gói thầu “cung cấp máy trát cao chì để sản xuất ắc quy” và “cung cấp 05 dây nạp ắc quy CMF và Hệ thống xử lý hơi axit”. - Chấp thuận lời từ chối nhận tất cả các khoản phí, thù lao,... của Ông Shinichiro Ota - thành viên HĐQT. - Thống nhất thẩm quyền xem xét và phê duyệt Hợp đồng hợp tác chiến lược với Công ty TNHH Furukawa Battery.
32	Số 695/QĐ-HĐQT	05/12/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu “cung cấp máy trát cao chì để sản xuất ắc quy”.
33	Số 735/QĐ-HĐQT	12/12/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu “cung cấp 05 dây nạp ắc quy CMF và Hệ thống xử lý hơi axit”.
34	Số 761/NQ-HĐQT/2017	19/12/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2017.

4

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018**Nhận định tình hình chung:**

- ✚ Năm 2018, kinh tế thế giới được dự báo là tiếp tục diễn biến phức tạp. Trong nước, Chính phủ kiên trì mục tiêu kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và điều hành nền kinh tế theo cơ chế thị trường sẽ xuất hiện những thuận lợi và khó khăn đan xen lẫn nhau.
- ✚ Đối với ngành pin ắc quy, không chỉ ngày càng nhiều đối thủ cạnh tranh trong và ngoài nước với thương hiệu mạnh xuất hiện mà còn với sự gia tăng về quy mô công suất, sự linh hoạt trong điều chỉnh chính sách bán hàng... của các đối thủ cạnh tranh hiện có với tiềm lực tài chính mạnh sẽ dẫn tới cạnh tranh ngày càng quyết liệt;
- ✚ Hơn nữa, việc Cổ đông 51% thực hiện chủ trương của Chính phủ sẽ thoái bớt phần vốn tại Pinaco, đây vừa là thách thức vừa là cơ hội cho Công ty cổ phần Pin Ắc quy miền Nam để phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.

Mục tiêu cụ thể:

Căn cứ tình hình thực tế, HĐQT trình Đại Hội đồng cổ đông kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, phương hướng quản trị, điều hành gồm một số chỉ tiêu chính sau:

- ✚ Tổng doanh thu: 3.000 tỷ đồng, bằng 105% so với thực hiện năm 2017.
- ✚ Lợi nhuận trước thuế: 145 tỷ đồng.



PINACO



Phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị:

- ✚ Hội đồng quản trị chỉ đạo và phối hợp với Ban điều hành thực hiện đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao cho;
- ✚ Tổ chức triển khai thực hiện tốt chủ trương thoái vốn của Cổ đông 51% theo đúng các quy định của pháp luật đồng thời đảm bảo cho việc phát triển bền vững của Pinaco trong thời gian tới.
- ✚ Tiếp tục sửa đổi ban hành quy chế, quy định quản lý... cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan;
- ✚ Rà soát và thực hiện các nội dung liên quan đầu tư phát triển trước mắt cũng như lâu dài. Bên cạnh đó, phát huy tối đa các nguồn lực hiện có để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, lợi thế của doanh nghiệp.
- ✚ Tăng cường kiểm soát các chi phí, thực hành tiết kiệm, phát huy sáng kiến cải tiến trong mọi hoạt động của Công ty... nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- ✚ Tiếp tục hoàn thiện tổ chức, kiện toàn nhân lực, đảm bảo nhân lực có trình độ chuyên môn, ngoại ngữ cùng khả năng quản lý đáp ứng với quá trình phát triển của doanh nghiệp và hội



QUẢN TRỊ CÔNG TY

🏢 Hội đồng quản trị

🏢 Ban kiểm soát

🏢 Các giao dịch, thù lao, lương, thưởng của HĐQT,
Ban Tổng Giám đốc, BKS



PINACO

**PINACO - AN TOÀN CHO NGƯỜI
SỬ DỤNG VÀ MÔI TRƯỜNG**

5 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu	Loại hình sở hữu cổ phần
1	Phạm Thanh Tùng	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 27/04/2017)	0,00%	Cá nhân
			21,18%	Đại diện Tập đoàn HCVN
2	Phan Văn Tiền	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 27/04/2017)	0,00%	Cá nhân
			0,00%	Đại diện Tập đoàn HCVN
3	Lương Thị Anh Đào	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 27/04/2017)	0,00%	Cá nhân
			20,17%	Đại diện Tập đoàn HCVN
4	Nguyễn Văn Chung	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 27/04/2017)	0,00%	Cá nhân
			10,08%	Đại diện Tập đoàn HCVN
5	Trần Thanh văn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	0,09%	Cá nhân
6	Shinichiro Ota	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 27/04/2017)	0,00%	Cá nhân
			10,54%	Đại diện THE FURUKAWA BATTERY CO., LTD.
7	Ngô Đình Luyện	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 27/04/2017)	0,0011%	Cá nhân
8	Cao Trọng Miên	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 27/04/2017)	0,0061%	Cá nhân
9	Phạm Kiều Diễm	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 27/04/2017)	0,12%	Cá nhân

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Không có.

CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Phạm Thanh Tùng	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 27/04/2017)	4/4	100%	
2	Phan Văn Tiền	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 27/04/2017)	3/3	100%	
3	Lương Thị Anh Đào	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 27/04/2017)	4/4	100%	
4	Nguyễn Văn Chung	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 27/04/2017)	3/4	75%	Bận đi công tác
5	Trần Thanh văn	Thành viên HĐQT	7/7	100%	
6	Shinichiro Ota	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 27/04/2017)	4/4	100%	
7	Ngô Đình Luyện	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 27/04/2017)	2/3	67%	Đã có kế hoạch nghỉ phép từ trước
8	Cao Trọng Miên	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 27/04/2017)	3/3	100%	
9	Phạm Kiều Diễm	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 27/04/2017)	3/3	100%	

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2017, HĐQT đã tổ chức 7 cuộc họp và đã ban hành 34 Nghị quyết/Quyết định (Nội dung chi tiết theo Báo cáo đánh giá của HĐQT).

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Tất cả thành viên HĐQT đều có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

5

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Trưởng ban	0.006%	
2	Bùi Thu Hằng	Thành viên	0.00%	
3	Trần Thị Kiều Ly	Thành viên	0.00003%	Bổ nhiệm ngày 27/04/2017
4	Tạ Duy Linh	Thành viên	0.06%	Miễn nhiệm ngày 27/04/2017

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Số biên bản	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ tham gia
1	01/VB-BKS/2017	15/3/2017	- Xem xét Báo cáo tài chính năm 2016. - Đánh giá việc thực hiện các Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT.	3/3
2	VB-BKS/2017	27/4/2017	Bầu Trưởng ban kiểm soát chuyên trách.	3/3
3	02/VB-BKS/2017	18/5/2017	Phân công nhiệm vụ các thành viên Ban kiểm soát.	3/3
4	03/VB-BKS/2017	19/5/2017	Thống nhất đề cử Bà Trần Thị Kiều Ly tham gia Tổ xác minh tố cáo theo văn bản đề xuất số 354/CV-HĐQT/2017 ngày 16/5/2017 của Hội đồng quản trị Công ty.	3/3
5	06/VB-BKS/2017	12/6/2017	Thống nhất kết luận của Ban kiểm soát về việc cho ý kiến trả lời văn bản cho Tổ xác minh tố cáo.	3/3
6	09/VB-BKS/2017	08/8/2017	Triển khai công tác hoạt động của Ban kiểm soát và thống nhất nội dung đề xuất Công ty cung cấp hồ sơ tài liệu phục vụ công tác thẩm tra Báo cáo tài chính 06 tháng và năm 2017.	3/3

Ban kiểm soát có đại diện tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị:

- ❖ Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và hệ thống quản lý Công ty;
- ❖ Giám sát việc chấp hành các Nghị quyết/ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông/ Hội đồng quản trị; Điều lệ Công ty; Nghị quyết, quyết định, quy chế, chỉ thị của Tập đoàn/ Công ty;
- ❖ Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 của công ty;
- ❖ Xem xét Báo cáo tài chính quý, năm của Công ty;
- ❖ Đánh giá việc chấp hành pháp luật về quản lý và sử dụng vốn; việc ban hành và thực hiện Quy chế tài chính, Quy định nội bộ của Doanh nghiệp, việc phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

5

KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT

VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY

Trong năm 2017, có sự thay đổi về nhân sự Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty như sau:

✚ Nhiệm kỳ 2012-2017 (đến ngày 27/04/2017):

Hội đồng quản trị: gồm 05 thành viên:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Phan Văn Tiền	Chủ tịch HĐQT
2	Trần Thanh Văn	Thành viên HĐQT
3	Ngô Đình Luyện	Thành viên HĐQT
4	Cao Trọng Miên	Thành viên HĐQT
5	Phạm Kiều Diễm	Thành viên HĐQT

Ban kiểm soát: gồm 03 thành viên (Xem mục I.1.a ở trên)

✚ Nhiệm kỳ 2017 - 2022 (từ ngày 27/04/2017)

Hội đồng quản trị: gồm 05 thành viên

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Phạm Thanh Tùng	Chủ tịch HĐQT
2	Lương Thị Anh Đào	Thành viên HĐQT
3	Nguyễn Văn Chung	Thành viên HĐQT
4	Shinichiro Ota	Thành viên HĐQT
5	Trần Thanh Văn	Thành viên HĐQT

Ban kiểm soát: gồm 03 thành viên (Xem mục I.1.b ở trên)

Ban kiểm soát đã tham gia giám sát quá trình bầu cử các thành viên HĐQT, BKS theo đúng Điều lệ Công ty và trình tự thủ tục bầu cử theo thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông quyết định.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	So sánh (%)	
			2017	2017	2016	Kế hoạch	Cùng kỳ
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	2.864	2.750	2.537	104	113
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	175	165	281	106	62
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	136	-	223	-	61
4	Thu nhập B/q 01 CBCNV/tháng	Triệu đồng	12,971	-	12,4	-	105
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	Đồng	3.037	-	4.486	-	68
6	Cổ tức	%	(*)45%	≥15%	22%	(*)300	204,5

(*) Đã tạm ứng tiền mặt 15%, dự kiến chia thêm 30% và chờ ĐHCĐ thông qua.

NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đã quản lý, chỉ đạo hoạt động của đơn vị theo đúng Pháp Luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết của Đại hội cổ đông đề ra cụ thể như sau:

- Chỉ đạo thực hiện kế hoạch SXKD năm 2017 đạt hiệu quả cao; Cả sản lượng, doanh thu và lợi nhuận đều vượt mức kế hoạch đặt ra.

- Đã sửa đổi, bổ sung ban hành 34 Nghị quyết, Quyết định phục vụ công tác quản lý và điều hành hoạt động SXKD của Công ty phù hợp với quy định của Nhà nước, chỉ đạo của cấp trên.

- Thành lập Tổ xác minh tố cáo theo Đơn kêu cứu và tố cáo ghi ngày 13/3/2017 theo Quyết định số 261/QĐ-HĐQT ngày 18/5/2017 và đang trong giai đoạn xác minh chưa có kết quả và sẽ thực hiện tiếp.

- Thành lập Tổ kiểm tra chi hoa hồng môi giới năm 2016 theo Quyết định số 74/QĐ-HĐQT ngày 31/1/2018 (Căn cứ Thông báo kết quả kiểm toán số 78/TB-KTNN ngày 10/01/2018 của Kiểm toán Nhà nước về việc kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2016). Tổ kiểm tra đã có báo cáo kết quả số 04/BC-TKT ngày 06/03/2018 trình HĐQT thông qua.

- Thành lập Tổ xác minh Đơn đề nghị của Bà Bùi Thị Mỹ Dung ghi ngày 13/01/2018 theo Quyết định số 75/QĐ-HĐQT ngày 31/1/2018. Tổ xác minh đã có báo cáo kết quả số 03/BC-TXM ngày 06/03/2018 trình HĐQT thông qua và HĐQT đã thống nhất chuyển toàn bộ hồ sơ cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP. Hồ Chí Minh (PC46) để xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật đồng thời có văn bản kèm hồ sơ tài liệu gửi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP. Hồ Chí Minh (PC46) và thông báo bằng văn bản với Bà Dung theo quy định.

- Tiếp tục chỉ đạo sửa đổi bổ sung và ban hành mới một số Quy chế, quy định phù hợp với tình hình hoạt động SXKD Công ty và Luật Doanh nghiệp 2014 ban hành hiệu lực 01/07/2015.

- Tiếp tục chỉ đạo Tổng giám đốc Công ty khẩn trương thực hiện Nghị quyết số 581/NQ-HĐQT/2017 ngày 03/11/2017 của HĐQT về xây dựng chiến lược phát triển công ty.

- Yêu cầu Tổng giám đốc và FB (đối tác chiến lược) khẩn trương triển khai thực hiện theo đúng nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT về hợp tác chiến lược để báo cáo kết quả với Đại hội đồng cổ đông.

HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Đã thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Pháp Luật Nhà Nước, Điều lệ Tổ chức hoạt động của Công ty, đã số các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành.

➤ Thực hiện kế hoạch SXKD năm 2017

Tất cả các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận đều vượt mức chỉ tiêu so với kế hoạch đặt ra.

➤ Công tác tổ chức quản lý

Công ty đã tổ chức Hội nghị Người lao động để CB.CNLĐ tham gia đóng góp ý kiến và tiến tới ký kết Thỏa ước lao động tập thể giữa Tổng giám đốc (NSDLĐ) và Công đoàn là người đại diện cho lao động.

➤ **Công tác kế toán**

- Việc tính toán, ghi chép, các số liệu trong báo cáo phản ánh trung thực đúng chế độ, nguyên tắc trong phạm vi lập, ghi chép, luân chuyển, sử dụng, lưu trữ bảo quản chứng từ, đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ. Đồng thời, trong năm 2017, Ban Tổng giám đốc Công ty quyết định điều chỉnh hồi tố số liệu Báo cáo tài chính năm 2016 căn cứ theo yêu cầu tại Biên bản kiểm toán ngày 16 tháng 9 năm 2017 của Kiểm toán Nhà nước về báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty.
- Công tác quản lý chi phí vật tư, nguyên vật liệu, chi phí nhân công,... từng công đoạn sản xuất giúp giảm giá thành tăng sức cạnh tranh trên thị trường; chi phí quản lý, chi phí tài chính đạt hiệu quả cao.
- Nhìn chung các số liệu trên báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tính đến thời điểm 31/12/2017 của Công ty, kết quả hoạt động SXKD, và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

➤ **Thực hiện các dự án đầu tư**

- Công ty thực hiện dự án “Thuê đất 2 ha tại KCN VSIP, tỉnh Bắc Ninh” với tổng mức đầu tư 44,7 tỷ đồng và thành lập Chi nhánh của Công ty tại tỉnh Bắc Ninh trên cơ sở sẽ di dời Chi nhánh tại Hà Nội về vị trí này.
- Các dự án đầu tư, mua sắm máy móc thiết bị như Đầu tư dây chuyền lắp ráp và thành phẩm pin R6, Máy sản xuất bột chì, Xây dựng xưởng cực âm, Xây dựng nhà kho chính và một số thiết bị lẻ đã thực hiện xong toàn bộ và đưa vào sử dụng để tăng công suất cùng với việc quy hoạch lại sản xuất ắc quy.

➤ **Thực hiện chế độ kiểm toán**

Hội đồng quản trị Công ty đã lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị kiểm toán đã được Bộ Tài chính công nhận tham gia kiểm toán báo cáo tài chính 06 tháng và năm 2017 của Công ty.

➤ **Thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động**

- Các chế độ, quyền lợi của CB.CNLD đa số được thực hiện theo đúng Luật lao động, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty. Việc chi trả lương hàng tháng được kịp thời đầy đủ đúng quy định, thu nhập B/q1CBCNVC-LĐ tăng 5% so với năm 2016.
- Các tổ chức chính trị Xã hội như bộ máy hoạt động Công tác Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên đã được thực hiện và quan tâm tạo điều kiện về thời gian, kinh phí để hoạt động theo đúng quy định của Nhà nước, Luật doanh nghiệp, Các chế độ thi đua khen thưởng, thăm quan du lịch trong và ngoài nước, phong trào văn hoá văn nghệ, thể thao luôn được duy trì.

KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2018 CỦA BAN KIỂM SOÁT

NHIỆM VỤ CHUNG

✚ Ban kiểm soát Công ty thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

✚ Trong năm 2018, Ban kiểm soát sẽ tiến hành kiểm soát định kỳ hàng quý, thời gian cụ thể sẽ được thông báo tới Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các phòng ban chức năng chuẩn bị hồ sơ, tài liệu trước ít nhất là 01 tuần. Ngoài ra nếu có dấu hiệu vi phạm chế độ và điều lệ Công ty Ban kiểm soát sẽ tiến hành làm việc kịp thời để có thông báo với HĐQT và báo cáo Đại hội đồng cổ đông.

NHIỆM VỤ CỤ THỂ TỪNG QUÝ

Quý I

- ✓ Thẩm định báo cáo Tài chính năm 2017.
- ✓ Xem xét tính hợp lý của các văn bản quản lý nội bộ của Công ty đã ban hành trong năm 2017.
- ✓ Báo cáo quá trình hoạt động kiểm soát theo Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty trước đại hội đồng cổ đông thường niên.
- ✓ Báo cáo đánh giá quá trình quản lý Công ty của HĐQT và điều hành của Tổng giám đốc.

Quý II

- ✓ Thẩm định báo cáo Tài chính Quý I năm 2018, tình hình thực hiện kế hoạch SXKD quý I năm 2018.
- ✓ Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên đề ra.
- ✓ Xem xét việc ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế, việc triển khai các dự án đầu tư, các định mức đơn giá giao khoán, quy chế trả lương và các quy chế quy định khác theo đúng quy định của Nhà nước và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Quý III

- ✓ Thẩm định báo cáo Tài chính Quý II năm 2018, tình hình thực hiện kế hoạch SXKD quý II năm 2018.
- ✓ Kiểm tra việc ký kết, thực hiện các hợp đồng kinh tế.

Quý IV

- ✓ Thẩm định báo cáo Tài chính Quý III năm 2018, tình hình thực hiện kế hoạch SXKD quý III năm 2018.
- ✓ Kiểm tra việc thực hiện các dự án đầu tư.
- ✓ Kiểm tra tình hình trả lương và chế độ cho người lao động, công tác thu hồi vốn, công nợ.

KIẾN NGHỊ, KẾT LUẬN CHUNG

ĐÁNH GIÁ CHUNG

✚ Ban kiểm soát chưa tìm thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Tất cả các hoạt động đều tuân thủ đúng Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

✚ PINACO đã tuân thủ đầy đủ các quy định Pháp luật trong hoạt động quản lý Công ty cũng như trong các giao dịch. Các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

✚ PINACO không phát sinh tranh chấp nào liên quan đến hoạt động SXKD và đầu tư dự án.

✚ Chế độ hạch toán kế toán tuân thủ về cơ bản theo chuẩn mực kế toán hiện hành, lập và nộp các báo cáo kế toán kịp thời cho các cấp thẩm quyền.

✚ Công ty đã thực hiện đầy đủ chế độ công bố thông tin đối với Công ty niêm yết theo đúng quy định.



KIẾN NGHỊ

✚ Tiếp tục rà soát lại các Quy chế cũ để hoàn chỉnh ban hành các quy chế mới phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và tình hình thực tế hiện nay của Công ty.

✚ Tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất việc chấp hành các nội quy, quy định, các quy chế, các trình tự thủ tục hồ sơ, chứng từ của Công ty, chính sách pháp luật của Nhà Nước tại các phòng ban Công ty, Xí nghiệp và Chi nhánh nhằm tránh việc sai sót không được công nhận là chi phí hợp lý hợp lệ. Bên cạnh đó, đề nghị Công ty xem xét, kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với những sai sót, tồn tại và có biện pháp chấn chỉnh theo Biên bản kiểm toán ngày 16/9/2017 của Kiểm toán nhà nước về BCTC năm 2016 của Công ty và Nghị quyết số 128/NQ-HĐQT/2018 ngày 12/3/2018 của Hội đồng quản trị Công ty.

✚ Đề nghị HĐQT tiếp tục chỉ đạo Tổng giám đốc và FB (đối tác chiến lược) thực hiện theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT về hợp tác chiến lược để sớm báo cáo kết quả với Đại hội đồng cổ đông.

✚ Tiếp tục có các biện pháp quản lý hợp lý và hiệu quả trong quản lý sản xuất, quản lý chất lượng, quản lý chi phí; Duy trì và làm tốt việc thực hiện tiết kiệm các chi phí như: Năng lượng, chi phí nguyên vật liệu, dụng cụ đưa vào sản xuất..., chi phí quản lý nhằm hạ giá thành sản phẩm.

✚ Tăng cường công tác dự báo tiêu thụ, kế hoạch vật tư, sản xuất nhằm nắm vững và chỉ đạo kịp thời kế hoạch sản xuất kinh doanh của đơn vị, chủ động điều tiết bán hàng và giá cả hợp lý trên thị trường.

✚ Đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, có chính sách phù hợp giữ được người tài, xây dựng chính sách cán bộ và luân chuyển cán bộ hợp lý, phù hợp với hiện tại và yêu cầu phát triển của Công ty.



DANH SÁCH THÀNH VIÊN BKS CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO CHUYÊN MÔN

Tất cả các thành viên BKS đều có chứng chỉ đào tạo chuyên môn kế toán.

5

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

LƯƠNG THƯỜNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH TRONG NĂM

Họ và tên	Chức vụ tại công ty	Thù lao	Ghi chú
Hội Đồng Quản Trị			
Ông Phan Văn Tiền	Chủ tịch HĐQT	36,000,000	T01-04/2017
Ông Phạm Thanh Tùng	Chủ tịch HĐQT	72,000,000	T05-12/2017
Ông Trần Thanh Văn	Thành viên HĐQT	72,000,000	T01-12/2017
Ông Ngô Đình Luyện	Thành viên HĐQT	24,000,000	T01-04/2017
Ông Nguyễn Văn Chung	Thành viên HĐQT	48,000,000	T05-12/2017
Ông Cao Trọng Miên	Thành viên HĐQT	24,000,000	T01-04/2017
Bà Lương Thị Anh Đào	Thành viên HĐQT	48,000,000	T05-12/2017
Bà Phạm Kiều Diễm	Thành viên HĐQT	24,000,000	T01-04/2017
Ban Kiểm Soát			
Ông Tạ Duy Linh	Thành viên BKS	16,000,000	T01-04/2017
Bà Trần Thị Kiều Ly	Thành viên BKS	16,000,000	T05-08/2017
Bà Bùi Thu Hằng	Thành viên BKS	48,000,000	T01-12/2017

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

STT	Tên cổ đông	Số lượng CP trước giao dịch	Loại giao dịch	Số lượng CP đã giao dịch	Số lượng CP sau giao dịch	Thời gian thực hiện
		127.305	Bán	40.000	87.305	08/06/2017
1	Trần Thanh Văn TV HĐQT kiêm TGD	87.305	Bán	28.470	58.835	13/07/2017
		58.835	Bán	17.490	41.345	18/08/2017
		39.540	Bán	23.000	16.540	03/04/2017
2	Đỗ Thị Ngân Vợ ông Trần Thanh Văn	16.540	Mua	3.000	19.540	07/04/2017
		19.540	Bán	17.000	2.540	25/05/2017
3	Ngô Đình Luyện TV HĐQT	24.500	Bán	20.000	4.500	22/03/2017

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty đã tuân thủ và thực hiện tốt việc Quản trị Công ty theo quy định trong Quy chế nội bộ, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 📊 Bảng cân đối kế toán
- 📊 Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 📊 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 📊 Thuyết minh báo cáo tài chính



PINACO

**PINACO - AN TOÀN CHO NGƯỜI
SỬ DỤNG VÀ MÔI TRƯỜNG**



CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Pin ắc quy Miền Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Thanh Tùng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017)
Ông Phan Văn Tiền	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017)
Ông Trần Thanh Văn	Thành viên
Bà Lương Thị Anh Đào	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017)
Ông Nguyễn Văn Chung	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017)
Ông Shinichiro Ota	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017)
Ông Ngô Đình Luyện	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017)
Ông Cao Trọng Miên	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017)
Bà Phạm Kiều Diễm	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017)

Ban Giám đốc

Ông Trần Thanh Văn	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Năm	Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật
Ông Đào Ngọc Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Thanh Văn
Tổng Giám đốc
Ngày 19 tháng 3 năm 2018

Số: *407* /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 19 tháng 3 năm 2018, từ trang 4 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Cùng với việc không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi xin lưu ý đến các điều chỉnh liên quan đến việc trình bày lại báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được đề cập tại Thuyết minh số 39 phần Thuyết minh báo cáo tài chính nhằm thực hiện theo yêu cầu tại Biên bản kiểm toán ngày 16 tháng 9 năm 2017 của Kiểm toán Nhà nước về báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán phát hành ngày 16 tháng 5 năm 2017 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Lê Đình Tứ
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0488-2018-001-1
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH
DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 19 tháng 3 năm 2018
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Tuấn Ngọc
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2110-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm (Trình bày lại)	
			Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.055.593.862.897	1.260.722.701.807
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	36.864.427.848	107.606.270.185
1. Tiền	111		36.864.427.848	77.606.270.185
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	30.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		247.577.649.116	466.823.472.222
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	247.577.649.116	466.823.472.222
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		95.822.330.739	93.933.186.979
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	61.723.371.084	63.588.506.863
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		12.894.378.514	15.079.526.116
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	23.012.024.362	17.492.150.986
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(1.884.045.371)	(2.319.479.698)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		76.602.150	92.482.712
IV. Hàng tồn kho	140	9	627.654.921.453	572.464.775.763
1. Hàng tồn kho	141		653.840.809.722	602.917.317.345
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(26.185.888.269)	(30.452.541.582)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		47.674.533.741	19.894.996.658
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.457.660.977	2.611.790.874
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		45.216.872.764	17.283.205.784
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		725.058.300.927	434.456.663.262
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.597.381.747	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		1.408.684.773	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		1.180.575.001	-
3. Phải thu dài hạn khác	216	7	2.878.700.000	-
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	8	(870.578.027)	-
II. Tài sản cố định	220		417.466.257.571	313.385.437.730
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	348.397.162.815	281.562.457.908
- Nguyên giá	222		902.365.743.867	774.882.458.391
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(553.968.581.052)	(493.320.000.483)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	69.069.094.756	31.822.979.822
- Nguyên giá	228		98.371.415.118	57.567.728.716
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(29.302.320.362)	(25.744.748.894)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		14.861.518.602	44.698.941.601
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	14.861.518.602	44.698.941.601
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		237.769.652.777	32.500.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kế	252	13	32.500.000.000	32.500.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5	205.269.652.777	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		50.363.490.230	43.872.283.931
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	15.330.046.092	4.624.068.872
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	7.544.398.751	7.564.773.499
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	9	27.489.045.387	31.233.941.560
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	449.500.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.780.652.163.824	1.695.179.365.069

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm (Trình bày lại)	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.110.393.556.499	1.026.624.019.081
I. Nợ ngắn hạn	310		1.108.659.504.946	1.025.804.019.081
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	97.047.143.565	85.646.226.524
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	59.604.054.222	64.668.886.442
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	8.359.766.598	28.725.865.994
4. Phải trả người lao động	314		107.489.922.479	124.982.959.077
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	5.979.553.194	28.132.284.047
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	4.901.176.783	10.854.966.923
7. Vay ngắn hạn	320	21	810.949.350.998	656.374.347.774
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	22	7.910.352.651	7.837.855.717
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	6.418.184.456	18.580.626.583
II. Nợ dài hạn	330		1.734.051.553	820.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		837.404.744	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		76.646.809	-
3. Phải trả dài hạn khác	337		820.000.000	820.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		670.258.607.325	668.555.345.988
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	670.258.607.325	668.555.345.988
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		464.717.070.000	464.717.070.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		464.717.070.000	464.717.070.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.584.699.224	1.584.699.224
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		12.134.194.059	18.772.599.847
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		191.822.644.042	183.480.976.917
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		125.722.546.834	26.321.184.760
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		66.100.097.208	157.159.792.157
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.780.652.163.824	1.695.179.365.069



Đỗ Văn Hường
 Người lập biểu



Nguyễn Duy Hưng
 Kế toán trưởng



Trần Thanh Văn
 Tổng Giám đốc
 Ngày 19 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước
					(Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng	01		2.863.558.252.775		2.537.379.612.088
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		250.618.154.014		190.502.226.309
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10	26	2.612.940.098.761		2.346.877.385.779
4. Giá vốn hàng bán	11	27	2.294.313.137.011		1.848.122.502.500
5. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		318.626.961.750		498.754.883.279
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	49.561.269.881		26.882.776.992
7. Chi phí tài chính	22	30	36.805.443.638		24.153.001.753
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		24.411.558.267		13.709.909.913
8. Chi phí bán hàng	25	32	138.197.882.045		177.282.345.186
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	43.425.539.282		45.169.670.082
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		149.759.366.666		279.032.643.250
11. Thu nhập khác	31	31	26.003.535.476		1.986.761.806
12. Chi phí khác	32		898.211.600		334.468.394
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		25.105.323.876		1.652.293.412
14. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		174.864.690.542		280.684.936.662
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34	39.036.658.086		55.958.724.645
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	34	20.374.748		1.440.308.621
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		135.807.657.708		223.285.903.396
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	3.037		4.486



Đỗ Văn Hường
 Người lập biểu



Nguyễn Duy Hưng
 Kế toán trưởng



Trần Thanh Văn
 Tổng Giám đốc
 Ngày 19 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	
			Năm trước (Trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	174.864.690.542	280.684.936.662
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	75.886.552.283	64.060.391.480
- (Hoàn nhập)/Trích lập các khoản dự phòng	03	(3.759.012.679)	15.781.094.235
- (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(327.673.492)	4.073.213.465
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(42.881.666.801)	(23.687.667.605)
- Chi phí lãi vay	06	24.411.558.267	13.709.909.913
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	228.194.448.120	354.621.878.150
- Thay đổi các khoản phải thu	09	(53.022.875.995)	7.649.719.496
- Thay đổi hàng tồn kho	10	(47.178.596.204)	(148.587.964.612)
- Thay đổi các khoản phải trả	11	(65.202.833.794)	74.932.493.318
- Thay đổi chi phí trả trước	12	(10.551.847.323)	(1.637.862.666)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(24.304.317.909)	(13.313.714.513)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(57.532.956.208)	(32.659.472.447)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	18.200.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.851.717.496)	(6.867.388.020)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(18.250.696.809)	234.137.688.706
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(120.357.256.429)	(93.362.590.570)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	449.743.181	65.709.091
3. Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	(402.847.301.893)	(266.823.472.222)
4. Tiền thu hồi từ tiền gửi ngân hàng	24	430.117.430.555	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.800.000.000	3.600.000.000
6. Tiền thu từ lãi tiền gửi và cổ tức được chia	27	22.684.226.714	15.410.479.707
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(68.153.157.872)	(341.109.873.994)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	14.883.277.549
2. Tiền thu từ đi vay	33	3.287.094.384.886	2.117.965.113.381
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.132.185.578.935)	(1.987.259.493.326)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(139.412.544.887)	(63.511.487.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	15.496.261.064	82.077.409.704
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(70.907.593.617)	(24.894.775.584)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	107.606.270.185	132.718.096.879
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	165.751.280	(217.051.110)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	36.864.427.848	107.606.270.185


Đỗ Văn Hương
Người lập biểu


Nguyễn Duy Hưng
Kế toán trưởng


Trần Thanh Văn
Tổng Giám đốc
Ngày 19 tháng 3 năm 2018



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Pin ắc quy Miền Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002690 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 9 năm 2004 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số 0300405462 (điều chỉnh lần thứ 14) ngày 22 tháng 8 năm 2016.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 69/UBCK-GPNY ngày 09 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước với mã cổ phiếu là PAC.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.144 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.136 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và phân phối pin và ắc quy.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có văn phòng chính tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; 03 xí nghiệp sản xuất ắc quy và 01 xí nghiệp sản xuất pin đặt tại thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Đồng Nai; 02 chi nhánh tại Hà Nội và Đà Nẵng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và đã được điều chỉnh hồi tố như trình bày tại Thuyết minh số 39.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và các chi phí có liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 05
Tài sản cố định khác	05 - 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản vô hình và khấu hao

Tài sản vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, giá trị phần mềm máy tính, và phí chuyển giao công nghệ được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất là 50 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm. Phí chuyển giao công nghệ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu năm phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ trong năm, phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

2590-
NHÀ
NG T
THIÊM H
LỢI T
T H
TP. HỒ

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Phân phối quỹ và phân chia cổ tức

Phân chia cổ tức cho các cổ đông Công ty được ghi nhận như là khoản công nợ trên báo cáo tài chính của Công ty trong năm với số cổ tức được thông qua bởi các cổ đông Công ty.

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi phương án chia lợi nhuận được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên và sau khi trích các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	1.022.893.655	1.585.105.490
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	35.841.534.193	76.021.164.695
Các khoản tương đương tiền	-	30.000.000.000
	36.864.427.848	107.606.270.185

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn từ một đến ba tháng tại các ngân hàng thương mại.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng nhưng dưới một năm tại ngân hàng và hưởng lãi suất dao động từ 6,80%/năm đến 7,10%/năm (2016: từ 5,30%/năm đến 9,75%/năm).

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên một năm tại ngân hàng và hưởng lãi suất dao động từ 7%/năm đến 9,75%/năm.



6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ông Chea Se	10.686.322.663	24.386.255.880
Công ty TNHH Honda Việt Nam	2.122.787.700	5.843.674.317
Công ty Faith Chemical Enterprises	9.306.494.466	6.684.209.766
Công ty TNHH MTV Sản xuất & Lắp ráp Ô tô tài Chu Lai	8.868.059.322	1.428.072.773
Các khách hàng khác	30.739.706.933	25.246.294.127
	61.723.371.084	63.588.506.863

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu lãi tiền gửi	19.114.893.243	14.461.154.670
Tạm ứng cho nhân viên	3.863.745.527	2.995.609.191
Phải thu khác	33.385.592	35.387.125
	23.012.024.362	17.492.150.986
b. Dài hạn		
Các khoản ký quỹ	2.878.700.000	-
	2.878.700.000	-

8. NỢ XẤU

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
a. Ngắn hạn						
Công ty Cổ phần Việt Nam Motors Cần Thơ	114.952.000	-	114.952.000	114.952.000	-	114.952.000
Công ty tư nhân Mỹ Phương	-	-	-	1.361.678.197	-	1.361.678.197
Hợp tác xã Dịch vụ và Thương mại Hợp Lực	-	-	-	256.132.002	-	256.132.002
Công ty TNHH Faith Chemicals	3.253.796.921	2.277.657.845	976.139.076	1.077.042.814	753.929.970	323.112.844
Khác	2.911.402.315	2.118.448.021	792.954.295	296.472.019	32.867.364	263.604.655
	6.280.151.236	4.396.105.865	1.884.045.371	3.106.277.032	786.797.334	2.319.479.698
b. Dài hạn						
Khác	1.408.684.773	538.106.746	870.578.027	-	-	-
	7.688.836.009	4.934.212.611	2.754.623.398	3.106.277.032	786.797.334	2.319.479.698

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
a. Ngắn hạn				
Hàng mua đang đi đường	69.675.736.708	-	7.871.846.400	-
Nguyên liệu, vật liệu	258.925.210.107	-	252.468.088.388	-
Công cụ, dụng cụ	7.774.499.085	-	4.306.038.388	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	151.977.451.187	-	127.101.539.802	-
Thành phẩm	165.162.124.324	(3.316.141.305)	211.169.804.367	(2.244.743.138)
Hàng hoá	325.788.311	-	-	-
	653.840.809.722	(3.316.141.305)	602.917.317.345	(2.244.743.138)
b. Dài hạn				
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	27.489.045.387	(22.869.746.964)	31.233.941.560	(28.207.798.444)
	681.329.855.109	(26.185.888.269)	634.151.258.905	(30.452.541.582)

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Số dư đầu năm	30.452.541.582	15.496.369.852
Trích lập trong năm	-	14.956.171.730
Hoàn nhập trong năm	(4.266.653.313)	-
Số dư cuối năm	26.185.888.269	30.452.541.582

Trong năm, Công ty có thay đổi tiêu thức trích lập dự phòng đối với "Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn" từ việc trích lập dự phòng cho các thiết bị, vật tư phụ tùng thay thế dài hạn có thời gian tồn kho trên 03 năm sang 05 năm. Theo đánh giá của Ban Giám đốc, việc thay đổi tiêu thức trích lập dự phòng này nhằm phản ánh hợp lý hơn tình hình và khả năng có thể sử dụng thực tế của các mặt hàng tồn kho này. Nếu thực hiện theo tiêu thức trích lập dự phòng của năm trước thì chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho sẽ tăng 2.312.690.078 đồng và lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm một khoản tương ứng.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	137.725.797.199	598.800.102.160	27.232.288.336	9.003.478.396	2.120.792.300	774.882.458.391
Mua trong năm	-	578.760.000	-	-	-	578.760.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	27.364.903.789	103.121.761.974	2.771.895.427	5.326.364.532	-	138.584.925.722
Thanh lý	(1.829.327.000)	(8.236.728.419)	(340.237.678)	(1.274.107.149)	-	(11.680.400.246)
Số dư cuối năm	163.261.373.988	694.263.895.715	29.663.946.085	13.055.735.779	2.120.792.300	902.365.743.867
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	69.664.207.773	397.186.790.388	16.484.203.321	8.766.965.833	1.217.833.168	493.320.000.483
Khấu hao trong năm	11.003.148.749	57.944.192.369	314.960.066	2.794.520.381	272.159.250	72.328.980.815
Thanh lý	(1.829.327.000)	(8.236.728.419)	(340.237.678)	(1.274.107.149)	-	(11.680.400.246)
Số dư cuối năm	78.838.029.522	446.894.254.338	16.458.925.709	10.287.379.065	1.489.992.418	553.968.581.052
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	68.061.589.426	201.613.311.772	10.748.085.015	236.512.563	902.959.132	281.562.457.908
Tại ngày cuối năm	84.423.344.466	247.369.641.377	13.205.020.376	2.768.356.714	630.799.882	348.397.162.815

Nguyên giá của tài sản hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 212.097 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 175.731 triệu đồng).

11. TÀI SẢN VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	47.293.702.056	5.055.248.004	5.218.778.656	57.567.728.716
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	<u>40.803.686.402</u>	-	-	<u>40.803.686.402</u>
Số dư cuối năm	88.097.388.458	5.055.248.004	5.218.778.656	98.371.415.118
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	17.981.370.025	4.660.730.055	3.102.648.814	25.744.748.894
Khấu hao trong năm	<u>1.923.231.121</u>	<u>394.517.949</u>	<u>1.239.822.398</u>	<u>3.557.571.468</u>
Số dư cuối năm	19.904.601.146	5.055.248.004	4.342.471.212	29.302.320.362
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	29.312.332.031	394.517.949	2.116.129.842	31.822.979.822
Tại ngày cuối năm	68.192.787.312	-	876.307.444	69.069.094.756

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 5.055 triệu đồng (31 tháng 12 năm 2016: 19.663 triệu đồng).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Máy móc thiết bị	10.550.387.823	7.636.068.548
Xây dựng cơ bản	4.311.130.779	36.472.645.526
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	590.227.527
	14.861.518.602	44.698.941.601

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	44.698.941.601	8.542.154.671
Tăng trong năm	149.551.189.125	89.445.393.661
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình và vô hình	(179.388.612.124)	(53.288.606.731)
Số dư cuối năm	14.861.518.602	44.698.941.601

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty liên kết						
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát	32.500.000.000	32.500.000.000	-	32.500.000.000	32.500.000.000	-

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty liên kết				
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát	Thành phố Hồ Chí Minh	26,00	26,00	Kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Ban Giám đốc Công ty không trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư trên do báo cáo tài chính của công ty liên kết phát sinh khoản lỗ không đáng kể.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi phí trả trước dài hạn gồm các loại máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng và thời gian phân bổ trên 01 năm đến 03 năm.

15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	7.544.398.751	7.564.773.499
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	7.544.398.751	7.564.773.499

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Phải trả người bán là bên thứ ba	94.750.986.335	94.750.986.335	84.364.274.974	84.364.274.974
Công ty TNHH Thye Ming Việt Nam	10.537.261.847	10.537.261.847	23.559.498.820	23.559.498.820
Thai United Plastic Industry Ltd.	4.162.156.291	4.162.156.291	6.569.125.566	6.569.125.566
Thai United Industry Company Ltd.	9.518.231.787	9.518.231.787	6.562.309.168	6.562.309.168
CN tại TPHCM - Công ty CP Nhựa Tân Phú	6.355.346.022	6.355.346.022	7.334.361.505	7.334.361.505
Công ty CP Thiết bị Xăng dầu Petrolimex	14.142.480.000	14.142.480.000	-	-
Phải trả các khách hàng khác	50.035.510.388	50.035.510.388	40.338.979.915	40.338.979.915
b. Phải trả người bán là các bên liên quan (Thuyết minh số 37)	2.296.157.230	2.296.157.230	1.281.951.550	1.281.951.550
	97.047.143.565	97.047.143.565	85.646.226.524	85.646.226.524

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Naeng Pov Import Export	6.978.330.269	-
Ghaznawyan Trading Group	7.296.912.753	-
Các khách hàng khác	45.328.811.200	64.668.886.442
	59.604.054.222	64.668.886.442

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm (Trình bày lại) VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	2.094.394.398	155.658.211.395	157.752.605.793	-
Thuế thu nhập cá nhân	505.370.374	10.246.842.254	10.316.933.041	435.279.587
Thuế thu nhập doanh nghiệp	27.988.838.478	39.036.658.086	57.532.956.208	9.492.540.356
Tiền thuế đất và thuế khác	(1.862.737.256)	7.369.561.967	7.074.878.056	(1.568.053.345)
	28.725.865.994	212.311.273.702	232.677.373.098	8.359.766.598

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
Chi phí lãi vay	503.435.758	396.195.400
Chiết khấu, chi phí bán hàng phải trả cho nhà phân phối	2.470.540.763	26.570.597.701
Chi phí vận chuyển	2.298.811.403	395.154.000
Chi phí phải trả khác	706.765.270	770.336.946
	5.979.553.194	28.132.284.047

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
Cổ tức phải trả	12.722.265	10.146.150
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	1.775.923.177	1.521.813.646
Phải trả khác	3.112.531.341	9.323.007.127
	4.901.176.783	10.854.966.923



**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

21. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm (Trình bày lại)		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay Ngân hàng (*)	623.874.347.774	623.874.347.774	3.286.760.582.159	(3.132.185.578.935)	778.449.350.998	778.449.350.998
Vay khác (**)	32.500.000.000	32.500.000.000	-	-	32.500.000.000	32.500.000.000
	656.374.347.774	656.374.347.774	3.286.760.582.159	(3.132.185.578.935)	810.949.350.998	810.949.350.998

(*) Đây là các khoản vay tín chấp không cần tài sản đảm bảo với thời hạn từ 04 tháng đến 01 năm. Chi tiết cụ thể như sau:

Tên ngân hàng	Loại tiền	Lãi suất (năm)	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	USD	1,50%	-	6.490.946.157
	VND	4,2% - 4,5%	25.495.052.209	63.894.491.317
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	USD	5,3%	51.253.775.574	-
Ngân hàng TMCP Quân đội	USD	1,40%	-	5.639.338.553
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	4,8% - 7,0 %	208.001.425.202	183.891.865.900
	VND	6,7%	22.106.700.000	28.300.079.065
	USD	2,0% - 3,0%	332.816.006.486	184.113.401.623
	USD	2,0% - 2,55%	59.273.487.045	83.802.025.159
Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	4,8% - 5,5%	22.417.115.593	-
Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 1 - TP. Hồ Chí Minh	VND	5,5%	34.350.788.889	-
Ngân Hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	USD	3,5%	22.735.000.000	-
	EUR	0,8%	-	67.742.200.000
			778.449.350.998	623.874.347.774

(**) Đây là khoản vay ngắn hạn tín chấp không lãi suất từ Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc Việt với mục đích góp vốn đầu tư vào Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát. Thời hạn hoàn trả vay là ngày 02 tháng 5 năm 2018.

22. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Dự phòng phải trả ngắn hạn thể hiện chi phí bảo hành sản phẩm được tính toán dựa trên số liệu thống kê về trung bình tỷ lệ số lượng sản phẩm bảo hành trên tổng số lượng sản phẩm bán ra qua các năm và chi phí bảo hành trung bình cho một sản phẩm.

23. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	18.580.626.583	10.624.698.110
Tăng trong năm	-	14.823.316.492
Hoàn nhập	(5.310.724.631)	-
Sử dụng quỹ	(6.851.717.496)	(6.867.388.019)
Số dư cuối năm	6.418.184.456	18.580.626.583

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn cổ phần đã phát hành

Số lượng cổ phiếu đã phát hành

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	46.471.707	46.471.707
+ Cổ phiếu phổ thông	46.471.707	46.471.707
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	46.471.707	46.471.707
+ Cổ phiếu phổ thông	46.471.707	46.471.707
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	464.717.070.000	464.717.070.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Chi tiết vốn góp của cổ đông như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Hoá chất Việt Nam	238.982.730.000	51,43	238.982.730.000	51,43
The Furukawa Battery Co., Ltd.	48.997.080.000	10,54	48.997.080.000	10,54
Phần vốn của các đối tượng khác	176.737.260.000	38,03	176.737.260.000	38,03
	464.717.070.000	100	464.717.070.000	100

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Thay đổi của vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	309.812.930.000	62.295.088.755	(14.419.110.657)	93.729.583.577	57.302.477.760	508.720.969.435
Tăng vốn cổ phần	154.904.140.000	(61.174.556.423)	-	(93.729.583.577)	-	-
Lợi nhuận trong năm (Trình bày lại)	-	-	-	-	223.285.903.396	223.285.903.396
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	464.166.892	14.419.110.657	-	-	14.883.277.549
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	18.772.599.847	(18.772.599.847)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(14.823.316.492)	(14.823.316.492)
Công bố chia cổ tức	-	-	-	-	(63.511.487.900)	(63.511.487.900)
Số dư đầu năm nay (Trình bày lại)	464.717.070.000	1.584.699.224	-	18.772.599.847	183.480.976.917	668.555.345.988
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	135.807.657.708	135.807.657.708
Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	(6.638.405.788)	6.638.405.788	-
Hoàn nhập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	5.310.724.631	5.310.724.631
Công bố chia cổ tức (**)	-	-	-	-	(139.415.121.002)	(139.415.121.002)
Số dư cuối năm nay	464.717.070.000	1.584.699.224	-	12.134.194.059	191.822.644.042	670.258.607.325

(*) Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017 số 227/PA-HĐQT ngày 27 tháng 4 năm 2017, Công ty trích lập Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2016 với tỷ lệ lần lượt là 10% và 8%. Tại báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2016 phát hành lần thứ hai ngày 16 tháng 5 năm 2017, lợi nhuận được điều chỉnh tăng thêm, do đó Công ty đã trích lập các quỹ tương ứng phần lợi nhuận tăng thêm theo tỷ lệ trên. Trong năm 2017, Công ty hoàn nhập lại khoản trích này căn cứ theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017 số 227/PA-HĐQT ngày 27 tháng 4 năm 2017.

(**) Trong năm, Công ty đã tiến hành chi trả cổ tức đợt 2 và đợt 3 năm 2016, tạm ứng cổ tức đợt 1 và đợt 2 năm 2017 với tỷ lệ lần lượt là 5%, 10%, 8% và 7% trên mệnh giá cổ phiếu theo Nghị quyết số 227/PA-HĐQT ngày 27 tháng 4 năm 2017 nêu trên.

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:	Đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đô la Mỹ	USD	75.222	858.940
- Euro	EUR	314	253

26. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu		
Doanh thu pin và ắc quy	<u>2.863.558.252.775</u>	<u>2.537.379.612.088</u>
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	249.590.788.570	190.028.467.651
Hàng bán bị trả lại	1.027.365.444	473.758.658
	<u>250.618.154.014</u>	<u>190.502.226.309</u>
Doanh thu thuần	<u>2.612.940.098.761</u>	<u>2.346.877.385.779</u>

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.298.579.790.324	1.833.166.330.770
(Hoàn nhập)/Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.266.653.313)	14.956.171.730
	<u>2.294.313.137.011</u>	<u>1.848.122.502.500</u>

28. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.905.008.995.871	1.554.733.243.184
Chi phí nhân công	226.865.549.123	246.067.258.060
Chi phí khấu hao tài sản cố định	75.886.552.283	64.060.391.480
Các chi phí khác bằng tiền	230.072.835.143	247.559.021.614
	<u>2.437.833.932.420</u>	<u>2.112.419.914.338</u>

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	40.631.923.620	23.621.958.514
Lãi chênh lệch tỷ giá	7.126.713.935	3.260.818.478
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.800.000.000	-
Chiết khấu thanh toán	2.632.326	-
	<u>49.561.269.881</u>	<u>26.882.776.992</u>

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	24.411.558.267	13.709.909.913
Lỗi chênh lệch tỷ giá	12.393.885.371	10.443.091.840
	36.805.443.638	24.153.001.753

31. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Tiền thu từ bồi thường hợp đồng	283.627.998	247.857.412
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	449.743.181	65.709.091
Thu tiền hỗ trợ di dời (*)	23.200.000.000	-
Thu nhập khác	2.070.164.297	1.673.195.303
	26.003.535.476	1.986.761.806

(*) Đây là khoản thu nhập nhận được từ Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Việt Gia Phú nhằm hỗ trợ để di dời nhà xưởng của Công ty tại Khu đất số 445 - 449 Đường Gia Phú, Phường 3, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	23.822.987.229	25.541.377.762
Chi phí đồ dùng văn phòng	492.417.902	456.641.651
Chi phí khấu hao	2.824.310.251	1.933.895.305
Chi phí dự phòng phải thu	435.143.700	284.919.863
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.920.944.200	8.249.202.303
Chi phí khác	6.929.736.000	8.703.633.198
	43.425.539.282	45.169.670.082

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	30.044.926.378	30.831.377.561
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.020.008.763	5.473.614.984
Chi phí khấu hao	1.334.952.803	1.147.153.641
Chi phí bảo hành	13.323.342.322	12.341.581.736
Chi phí quảng cáo	15.042.718.936	25.288.486.762
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.245.638.373	83.798.649.850
Chi phí khác	33.186.294.470	18.401.480.652
	138.197.882.045	177.282.345.186

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và lợi ích kinh tế của Công ty tương đối khác biệt theo từng khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý:

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu bộ phận dựa vào vị trí địa lý của các khách hàng tại Việt Nam ("Trong nước") hay ở các nước khác ngoài Việt Nam ("Xuất khẩu"). Công ty không lập báo cáo bộ phận cho các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán do tài sản cố định được sử dụng chung để sản xuất hàng xuất khẩu và bán trong nước và không đủ cơ sở để chia tách.

Doanh thu dựa vào vị trí địa lý của Công ty như sau:

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng	
	Năm nay VND	Năm trước VND	Năm nay VND	Năm trước VND	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần	2.150.352.315.851	1.941.989.172.177	462.587.782.910	404.888.213.602	2.612.940.098.761	2.346.877.385.779

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Hoạt động sản xuất và kinh doanh pin và ắc quy là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty, do vậy Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất.

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	35.177.950.432	53.687.687.393
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm hiện tại	3.858.707.654	2.271.037.252
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	39.036.658.086	55.958.724.645

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận trước thuế	174.864.690.542	280.684.936.662
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20%	34.972.938.108	56.136.987.332
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp		
<i>Trừ: Thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận vào năm sau do quyết toán thuế</i>	-	(3.134.718.315)
<i>Cộng: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	205.012.324	685.418.376
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	35.177.950.432	53.687.687.393

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	1.440.308.621
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	20.374.748	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	20.374.748	1.440.308.621

Năm 2017, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% (2016: 20%) trên thu nhập chịu thuế.

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	135.807.657.708	223.285.903.396
Điều chỉnh: Tăng/(giảm) số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) (VND)	5.310.724.631	(14.823.316.492)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	141.118.382.339	208.462.586.904
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	46.471.707	46.471.707
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	3.037	4.486

(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2017 số 227/PA-HĐQT ngày 27 tháng 4 năm 2017.

36. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	1.260.972.727	1.956.000.000
Trong vòng hai đến năm năm	-	457.400.000
	1.260.972.727	2.413.400.000

Cam kết vốn

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày kết thúc niên độ kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Máy móc và thiết bị	27.673.496.999	23.852.521.004
Nhà cửa và vật kiến trúc	2.136.697.651	4.192.881.708
Hệ thống điện	957.947.904	552.303.493
Khác	-	21.320.942.422
	30.768.142.554	49.918.648.627

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Tập đoàn Hoá chất Việt Nam
 Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam
 Công ty Cổ phần Hơi Kỹ nghệ Que Hàn
 Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang
 The Furukawa Battery Co., Ltd.

Mối quan hệ

Công ty mẹ
 Cùng tập đoàn
 Cùng tập đoàn
 Cùng tập đoàn
 Cổ đông lớn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	18.363.671.370	17.726.006.210
Công ty Cổ phần Hơi Kỹ nghệ Que Hàn	368.304.200	345.666.750
Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang	2.330.871.640	2.097.164.790
Chi trả cổ tức		
Tập đoàn Hoá chất Việt Nam	71.694.819.000	32.660.973.100
The Furukawa Battery Co., Ltd.	14.699.124.000	-
Phí bản quyền trả cho		
The Furukawa Battery Co., Ltd.	2.144.888.318	2.496.552.700

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	2.272.596.330	1.255.287.550
Công ty Cổ phần Hơi Kỹ nghệ Que Hàn	23.560.900	26.664.000
	2.296.157.230	1.281.951.550



Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	<u>2.036.846.699</u>	<u>2.001.613.202</u>

38. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 29.772.692.696 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 0 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm số tiền 503.435.758 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 396.195.400 đồng), là số lãi vay phát sinh trong năm nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



39. ĐIỀU CHỈNH SỐ LIỆU BÁO CÁO NĂM TRƯỚC

Trong năm 2017, Ban Giám đốc Công ty quyết định điều chỉnh hồi tố số liệu báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2016 căn cứ theo yêu cầu tại Biên bản kiểm toán ngày 16 tháng 9 năm 2017 của Kiểm toán Nhà nước về báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty. Chi tiết ảnh hưởng của điều chỉnh hồi tố như sau:

Chi tiêu	Mã số	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016		
		Số đã báo cáo VND	Điều chỉnh VND	Số sau điều chỉnh VND
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	1.250.694.693.732		1.260.722.701.807
Hàng tồn kho	140	562.436.767.688		572.464.775.763
1. Hàng tồn kho	141	603.546.529.190	(629.211.845)	602.917.317.345
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(41.109.761.502)	10.657.219.920	(30.452.541.582)
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200	426.511.622.072		434.456.663.262
Tài sản cố định	220	303.765.087.397		313.385.437.730
1. Tài sản cố định hữu hình	221	275.205.478.099		281.562.457.908
- Nguyên giá	222	770.303.454.937	4.579.003.454	774.882.458.391
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(495.097.976.838)	1.777.976.355	(493.320.000.483)
2. Tài sản cố định vô hình	227	28.559.609.298		31.822.979.822
- Nguyên giá	228	57.567.728.716	-	57.567.728.716
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(29.008.119.418)	3.263.370.524	(25.744.748.894)
Tài sản dài hạn khác	260	45.547.593.074		43.872.283.931
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.889.485.538	(265.416.666)	4.624.068.872
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	8.974.665.976	(1.409.892.477)	7.564.773.499
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	1.677.206.315.804		1.695.179.365.069
NGUỒN VỐN				
C - NỢ PHẢI TRẢ	300	1.046.821.571.157		1.026.624.019.081
Nợ ngắn hạn	310	1.046.001.571.157		1.025.804.019.081
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	86.499.511.869	(853.285.345)	85.646.226.524
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20.616.725.855	8.109.140.139	28.725.865.994
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	55.585.690.917	(27.453.406.870)	28.132.284.047
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	78.597.166.923	(67.742.200.000)	10.854.966.923
7. Vay ngắn hạn	320	588.632.147.774	67.742.200.000	656.374.347.774
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU				
Vốn chủ sở hữu	410	630.384.744.647		668.555.345.988
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	145.310.375.576		183.480.976.917
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a	23.710.488.341	2.610.696.419	26.321.184.760
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b	121.599.887.235	35.559.904.922	157.159.792.157
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	1.677.206.315.804		1.695.179.365.069
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016				
Chi tiêu	Mã số	Số đã báo cáo VND	Điều chỉnh VND	Số sau điều chỉnh VND
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	246.471.981.966	(55.969.755.657)	190.502.226.309
3. Doanh thu thuần về bán hàng	10	2.290.907.630.122		2.346.877.385.779
4. Giá vốn hàng bán	11	1.864.871.285.563	(16.748.783.063)	1.848.122.502.500
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng	20	426.036.344.559		498.754.883.279
8. Chi phí bán hàng	25	146.743.438.819	30.538.906.367	177.282.345.186
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	45.097.833.264	71.836.818	45.169.670.082
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	236.924.847.715		279.032.643.250
11. Thu nhập khác	31	1.762.688.306	224.073.500	1.986.761.806
13. Lợi nhuận khác	40	1.428.219.912		1.652.293.412
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	238.353.067.627		280.684.936.662
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	50.596.653.009	5.362.071.636	55.958.724.645
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	30.416.144	1.409.892.477	1.440.308.621
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	187.725.998.474		223.285.903.396
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	3.721		4.486

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TÊ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo VND	Điều chỉnh VND	Số sau điều chỉnh VND
1. Lợi nhuận trước thuế	1	238.353.067.627	42.331.869.035	280.684.936.662
- Khấu hao tài sản cố định	2	69.101.738.359	(5.041.346.879)	64.060.391.480
- Các khoản dự phòng	3	26.438.314.155	(10.657.219.920)	15.781.094.235
- Thay đổi các khoản phải thu	9	13.638.615.427	(5.988.895.931)	7.649.719.496
- Thay đổi hàng tồn kho	10	(147.958.752.767)	(629.211.845)	(148.587.964.612)
- Thay đổi các khoản phải trả	11	94.682.271.112	(19.749.777.794)	74.932.493.318
- Thay đổi chi phí trả trước	12	(1.372.446.000)	(265.416.666)	(1.637.862.666)



Đỗ Văn Hương
Người lập biểu




Nguyễn Duy Hưng
Kế toán trưởng

Trần Thanh Văn
Tổng Giám đốc
Ngày 19 tháng 3 năm 2018



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 04 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN THANH VĂN